HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH VỀ Ý CHÍ TỰ LỰC, TỰ CƯỜNG VÀ KHÁT VỌNG PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC PHỒN VINH, HẠNH PHÚC

■ TIÊN AN

(Ảnh sưu tầm)

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã thành công tốt đẹp, góp phần củng cố, nâng cao niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, vào sự nghiệp đổi mới đất nước; cổ vũ toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phát huy tinh thần yêu nước, ý chí và khát vọng phát triển vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đại hội đã xác định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 201-2023 và đến năm 2045, định hướng và lãnh đạo, chỉ đạo toàn bộ các hoạt động của Đảng, Nhà nước và xã hội. Trong quan điểm chỉ đạo thực hiện đường lối đổi mới giai đoạn tới, Nghị quyết Đại hội đã khẳng định: "Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa". Đồng thời chỉ rõ: "Động lực và nguồn động lực phát triển quan trọng của đất nước là khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc". Phát huy ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh hạnh phúc là nội dung quan trọng trong tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ thiên tài của Đảng và dân tộc, người thầy vĩ đại của cách mạng Việt Nam. Người "là biểu tượng cao đẹp nhất của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về ý chí tự lực, tự cường và khát vọng xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc là sự vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong bối cảnh hiện nay, đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển đất nước, nguyện vọng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta trong công cuộc đẩy mạnh toàn diện và đồng bộ sự nghiệp đổi mới đất nước, vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh".

1. Những nội dung cơ bản của tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về ý chí tự lực, tự cường

Một là, ý chí tự lực, tự cường là không phụ thuộc vào lực lượng bên ngoài, có quan điểm độc lập trong quan hệ quốc tế. Nguyễn Ái Quốc cho rằng, cách mạng ở các nước thuộc địa (trong đó có Việt Nam) hoàn toàn có thể chủ động giành thắng lợi, không phụ thuộc việc cách mạng ở chính quốc có thắng lợi hay không. Nguyễn Ái Quốc nêu rõ quyết tâm, ý chí, phương pháp cách mạng, thể hiện sâu sắc quan điểm tự lực, tự cường trong đấu tranh cách mạng: "Đối với tôi, câu trả lời đã rõ ràng: trở về nước, đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ, huấn luyện họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do độc lập".

Hai là, ý chí tự lực, tự cường là phải nhận thức rõ sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc với chủ nghĩa quốc tế trong sáng. Hồ Chí Minh khẳng định, nhân tố mang tính quyết định của cách mạng giải phóng dân tộc chính là sức mạnh của toàn dân tộc.

Trong tác phẩm Đường Kách mệnh (năm 1927), Người viết: "Chỉ ước ao sao đồng bào xem rồi thì nghĩ lại, nghĩ rồi thì tỉnh dậy, tỉnh rồi thì đứng lên đoàn kết nhau mà làm cách mệnh". Nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, tự lực, tự cường "đem sức ta mà tự giải phóng cho ta" nhưng "phải củng cố tình đoàn kết hữu nghị giữa nhân dân ta và nhân dân các nước bạn, nhân dân Pháp, nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới". Người nhấn mạnh vấn đề có tính nguyên tắc: "Muốn người ta giúp cho, thì trước mình phải tự giúp lấy mình đã".

Ba là, ý chí tự lực, tự cường là sự chủ động, chuẩn bị mọi mặt các điều kiện của cách mạng.

Theo Người, điều kiện trước hết là phải có một Đảng cách mệnh, "để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy. Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam".

Cương lĩnh chính trị đầu tiên do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhấn mạnh đấu tranh giải phóng dân tộc, chống chủ nghĩa đế quốc thực dân và chế độ phong kiến đã suy tàn, thực hiện mục tiêu chiến lược: "Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập", "làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản".

Sau 30 năm hoạt động ở nước ngoài, ngày 28/1/1941, lãnh tụ Hồ Chí Minh trở về Tổ quốc, trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng. Tại Hội nghị Trung ương 8, Người cùng Trung ương Đảng quyết định những vấn đề lớn của cách mạng như hoàn chỉnh chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, xử lý đúng đắn đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp, lợi ích dân tộc và lợi ích giai cấp, quyết tâm giành cho được độc lập dân tộc.

Bốn là, ý chí tự lực, tự cường là đặc biệt chú trọng phát huy vai trò, sức mạnh của nhân dân.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, "nhân dân" là phạm trù cao quý nhất. Người nói: "Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân». Người khẳng định, dân khí mạnh thì binh lính nào, súng ống nào cũng không địch nổi. "Nếu lãnh đạo khéo thì việc gì khó khăn mấy và to lớn mấy, nhân dân cũng làm được".

Trong Thư kêu gọi tổng khởi nghĩa, Người nêu rõ: "Hỡi đồng bào yêu quý! Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta... Chúng ta không thể chậm trễ. Tiến lên! Tiến lên! Dưới lá cờ Việt Minh, đồng bào hãy dũng cảm tiến lên!". Trong *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến,* ngày 19/12/1946, Người đã hiệu triệu: "Hỡi đồng bào! Chúng ta phải đứng lên! Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng

gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước". Trong Lời kêu gọi *"Không có gì quý hơn độc lập, tự do"* ngày 17/7/1966, Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã nêu rõ: «Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa, Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập, tự do. Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn».

Năm là, ý chí tự lực, tự cường là quyết tâm bảo vệ và giữ vững nền độc lập dân tộc.

Tư tưởng của Người về quyết tâm bảo vệ và giữ vững độc lập dân tộc, "nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ", "không có gì quý hơn độc lập tự do", thể hiện rất rõ khi Tổ quốc bị lâm nguy, khi dân tộc phải đương đầu với những kẻ thù có sức mạnh kinh tế - quân sự vào hàng cường quốc thế giới, chống lại âm mưu áp đặt chế độ áp bức, bóc lột của chủ nghĩa đế quốc thực dân.

Ngay sau khi nền độc lập ra đời, đất nước ta đã phải chuẩn bị cho một cuộc kháng chiến không thể tránh khỏi. Trong Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: "Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa! Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ".

2. Những nội dung cơ bản trong tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc

Một là, xây dựng, phát triển đất nước giàu mạnh, cường thịnh, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài. Chủ tịch Hồ Chí Minh mong muốn xây dựng đất nước giàu mạnh, mang lại tự do, ấm no, hạnh phúc cho nhân dân. Tư tưởng của Người đã được nhấn mạnh tại Đại hội II của Đảng (1951): xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, phú cường. Người nhiều lần nhắc nhở: «Nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì». Người đặc biệt chú trọng việc nâng cao dân trí, phục vụ công cuộc xây dựng, phát triển đất nước giàu mạnh. «Nay chúng ta đã giành được quyền độc lập. Một trong những công việc phải thực hiện cấp tốc trong lúc này là nâng cao dân trí». Trước lúc đi xa, trong Di chúc Người bày tỏ điều mong muốn cuối cùng, cũng là khát vọng tột bậc: «Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới».

Hai là, thực hiện khát vọng đất nước giàu mạnh, cường thịnh trong điều kiện Đảng cầm quyền, xây dựng chế độ mới, mưu cầu hạnh phúc, ấm no cho nhân dân. Hồ Chí Minh ngay từ khi ra đi tìm đường cứu nước đã mang khát vọng lớn lao: độc lập cho Tổ quốc, tự do, hạnh phúc cho đồng bào. Người khẳng định: "Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành". Cả cuộc đời hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh hiến dâng trọn vẹn cho cách mạng, chỉ có một mục đích, là phấn đấu cho quyền lợi Tổ quốc, và hạnh phúc của quốc dân.

Ba là, xây dựng nền tảng kinh tế vững chắc, thực hiện một cách có kế hoạch với sự đồng lòng của Chính phủ và người dân.

Hiện thực khát vọng đất nước phồn vinh, hạnh phúc theo tư tưởng Hồ Chí Minh là phải xây dựng chế độ chính trị dân chủ, tiến bộ, thật sự vì dân, xây dựng đời sống kinh tế, văn hóa - xã hội văn minh, tiến bộ với những giá trị đạo đức tốt đẹp. Muốn vậy, phải xây dựng nền tảng kinh tế vững chắc, có kế hoạch thực hiện với sự đồng lòng của Chính phủ và người dân.

Ngay trong phiên họp đầu tiên của Ủy ban ngày 10/1/1946, Hồ Chí Minh phát biểu mong muốn mọi người đem tài năng tri thức lo bồi

bổ về mặt kinh tế và xã hội. Làm cho dân có ăn. Làm cho dân có mặc. Làm cho dân có chỗ ở. Làm cho dân có học hành.

Bốn là, phát huy tối đa nội lực dân tộc, tranh thủ ngoại lực, có chính sách mở cửa, thu hút đầu tư nước ngoài.

Vấn đề nội lực dân tộc là một điểm quan trọng trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Người chỉ rõ "đem sức ta mà tự giải phóng cho ta". Hồ Chí Minh cho rằng, việc mở cửa, hợp tác quốc tế không chỉ nhằm mục đích nhận được sự giúp đỡ của bạn bè quốc tế, mà thông qua đó thu hút ngoại lực, thu hút đầu tư, tạo ra những điều kiện phát huy tiềm năng của đất nước, phát triển kinh tế, nâng cao đời sống của nhân dân.

Năm là, luôn xuất phát từ hoàn cảnh cụ thể của đất nước, vận dụng sáng tạo lý luận vào thực tiễn để đưa ra những quan điểm, chủ trương phù hợp; không giáo điều, máy móc trong học tập kinh nghiệm của nước khác.

Theo Người, xây dựng, phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa đòi hỏi Việt Nam phải có cách làm, bước đi và biện pháp thích hợp. "Ta không thể giống Liên Xô, vì Liên Xô có phong tục tập quán khác, có lịch sử địa lý khác... ta có thể đi con đường khác để tiến lên chủ nghĩa xã hội". Chúng ta dùng lập trường, quan điểm, phương pháp chủ nghĩa Mác - Lênin mà tổng kết những kinh nghiệm của Đảng ta, phân tích một cách đúng đắn những đặc điểm của nước ta. Có như thế, chúng ta mới có thể dần dần hiểu được quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam, định ra được những đường lối, phương châm, bước đi cụ thể của cách mạng xã hội chủ nghĩa thích hợp với tình hình nước ta.

Vì vậy, nhằm đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, nâng cao tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường dân tộc, khát vọng cống hiến, phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc của các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên và người dân, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và nhiệm vụ cách mạng trong các giai đoạn lịch sử, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp chủ yếu sau:

- Cần nhận thức sâu sắc, thấm nhuần tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Coi đây là công việc thường xuyên, không thể thiếu đối với mỗi cán bộ, đảng viên. Nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên về nội dung, giá trị và ý nghĩa to lớn của tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Tư tưởng Hồ Chí Minh cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng. Học tập và làm theo Bác để Đảng ta và mỗi đảng viên xứng đáng với vai trò, sứ mệnh lãnh đạo cách mạng Việt Nam và sự tin cậy của nhân dân.

- Các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể đưa nội dung làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh vào chương trình, kế hoạch hành động thực hiện nghị quyết của đảng bộ cấp mình, gắn với nhiệm vụ chính trị. Kết hợp chặt chẽ giữa học tập với làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của mỗi địa phương, đơn vị và công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; giải quyết hiệu quả các khâu đột phá và các vấn đề trọng tâm, bức xúc trong thực tiễn.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân tham gia các phong trào thi đua yêu nước, lôi cuốn sự vào cuộc của toàn xã hội. Đẩy mạnh tuyên truyền, gắn việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh với các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước của các cấp, các ngành, nhằm lan tỏa, khơi dậy tinh thần cống hiến, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, ý chí tự cường và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Mỗi cán bộ, đảng viên nhận thức sâu sắc và tự giác thực hiện bổn phận, trách nhiệm của bản thân, gắn bó chặt chẽ, liên hệ mật thiết với nhân dân, "trọng dân, gần dân, tin dân, hiểu dân, học dân, dựa vào dân và có trách nhiệm với dân", thực hiện có hiệu quả phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng", làm cho

(xem tiếp trang 24)

ĐẠI HỘI HỘI CÔNG CHỨNG VIÊN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ LẦN THỨ II, NHIỆM KỲ 2021-2024

■ NGUYỄN THỊ ĐÀO

Ngày 30 tháng 10 năm 2021, Hội Công chứng viên tỉnh Thừa Thiên Huế tổ chức Đại hội lần thứ II (nhiệm kỳ 2021 - 2024) với sự tham dự của đông đảo công chứng viên trên địa bàn tỉnh. Tham dự Hội nghị có đồng chí Phan Thùy Dương - Phó Giám đốc Sở Tư pháp và các đồng chí là lãnh đạo phòng Bổ trợ tư pháp, Thanh tra Sở, Văn phòng Sở. Đại hội vinh dự đón tiếp đồng chí Nguyễn Thị Ái Vân, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh đến dự và phát biểu chỉ đạo.

Đồng chí Nguyễn Thị Ái Vân, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh phát biểu chỉ đạo tại Đại hội

Đại hội đã nghe các báo cáo tổng kết hoạt động nhiệm kỳ 2016 - 2021 và phương hướng nhiệm kỳ 2021 - 2024, Báo cáo tài chính, Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành nhiệm kỳ 2016 - 2021, dự thảo Nội quy của Hội Công chứng viên tỉnh. Các thành viên của Hội tham gia thảo luận về nội dung các báo cáo, phân tích và đề xuất giải pháp nhằm tăng cường tính gắn kết giữa các hội viên cũng như tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội trong thời gian tới, như: tổ chức học tập kinh nghiệm, giao lưu, trao đổi kiến thức nghiệp vụ công chứng giữa các thành viên của Hội trong phạm vi tỉnh và các tỉnh bạn; quy định phụ cấp đối với Ban Chấp hành và bộ phận giúp việc, trang cấp phương tiện, cơ sở vật chất để Ban Chấp hành hoạt động ngày càng tốt hơn; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, chia sẽ thông tin trong các thành viên của Hội,...

Phát biểu chỉ đạo Đại hội, đồng chí Nguyễn Thị Ái Vân, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh ghi nhận và đánh giá cao những kết quả mà Hội công chứng viên của tỉnh đã triển khai trong nhiệm kỳ qua. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 11 tổ chức hành nghề công chứng (02 Phòng Công chứng và 09 Văn phòng công chứng) với 25 công chứng viên là thành viên của Hội Công chứng viên tỉnh Thừa Thiên Huế. Trong thời gian qua, Hội đã đồng hành cùng với các cơ quan chức năng của Nhà nước, nhất là Sở Tư pháp trong thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động công chứng; thường xuyên cập nhật, nắm bắt

thông tin dư luận để kịp thời chia sẻ, hỗ trợ hội viên cũng như có những nhắc nhở, xử lý kịp thời đối với những hành vi chưa phù hợp; chú trọng bồi dưỡng nghiệp vụ công chứng hàng năm cho hội viên. Đồng chí ghi nhận và trân trọng những kết quả mà các tổ chức hành nghề công chứng và các công chứng viên đã đóng góp cho sự ổn định, phát triển của nền kinh tế - xã hội tỉnh nhà thời gian qua. Trong 5 năm, các tổ chức hành nghề công chứng đã thực hiện được hơn 115.265 vụ việc, thu phí 50.100.573.000 đồng, nộp thuế và ngân sách nhà nước 12.120.443.000 đồng.

Chia sẻ với những khó khăn của Hội Công chứng viên trong bối cảnh Hội phải thực hiện nhiều nhiệm vụ nhưng lại thiếu nguồn lực để đảm bảo cho các hoạt động; trong hoạt động nghề nghiệp, tình trạng giả mạo chủ thể, giấy tờ ngày càng diễn biến phức tạp, tinh vi. Để khắc phục những khó khăn, hạn chế cũng như phát huy vai trò của Hội trong thời gian tới, đồng chí gợi ý những giải pháp sát thực, như: thường xuyên, định kỳ tổ chức hoạt động giao ban, trao đổi kinh nghiệm giữa các tổ chức hành nghề công chứng để vừa thông tin kịp thời tình hình liên quan trong hoạt động công chứng vừa nâng cao nghiệp vụ cho công chứng viên, tăng tính gắn kết trong Hội; phối hợp với Sở Tư pháp nghiên cứu, đề xuất cơ chế để Hội Công chứng viên có thể có các hoạt động tăng thêm nguồn thu nhằm thực hiện các mục tiêu mà Hội đề ra; phát huy vai trò là thành viên Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong việc tham gia góp ý xây dựng pháp luật, giám sát, phản biện xã hội về các chủ trương, chương trình, kế hoạch có liên quan. Đặc biệt, đồng chí nhấn mạnh các công chứng viên phải luôn ghi nhớ và nêu cao đạo đức hành nghề công chứng, tuân thủ quy định pháp luật về công chứng, Điều lệ của Hiệp Hội công chứng viên Việt Nam để phát huy tốt vai trò, chức năng xã hội của công chứng viên.

Thay mặt Đại hội, đồng chí Nguyễn Hữu Hoàng, Chủ tịch Đại hội trân trọng cảm ơn và nghiêm túc tiếp thu ý kiến chỉ đạo của đồng chí Nguyễn Thị Ái Vân, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh và sẽ cụ thể hóa vào Chương trình hành động triển khai nhiệm vụ trong nhiệm kỳ 2021 - 2024.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành nhiệm kỳ 2021 - 2024, Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật và đại biểu tham dự Đại hội đại biểu Công chứng viên toàn quốc lần thứ II./.

N.T.Đ

SỞ TƯ PHÁP THỪA THIÊN HUẾ THAM GIA HỘI NGHỊ TẬP HUẤN TRỰC TUYẾN QUYẾT ĐỊNH SỐ 402/QĐ-TTG NGÀY 20/3/2020 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

■ TRẦN THỊ TUYẾT

Ngày 15 tháng 11 năm 2021, Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực – Bộ Tư pháp tổ chức Hội nghị tập huấn trực tuyến Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 20/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Thỏa thuận toàn cầu về di cư hợp pháp, an toàn và trật tự của Liên hợp quốc về vấn đề quốc tịch và hộ tịch (Quyết định số 402/QĐ-TTg) trực tiếp tại điểm cầu Hà Nội và trực tuyến tại 15 điểm cầu địa phương trong toàn quốc, chủ trì điểm cầu tại Thừa Thiên Huế là đồng chí Nguyễn Văn Hưng – Phó Giám đốc Sở cùng sự tham gia của đại diện các Phòng Tư pháp các huyện, thị xã, thành phố Huế và một số công chức tư pháp – hộ tịch trên địa bàn.

Đồng chí Nguyễn Văn Hưng - Phó Giám đốc Sở tham dự Hội nghị tập huấn trực tuyến Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 20/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ

Để triển khai Quyết định số 402/QĐ-TTg, ngày 01 tháng 4 năm 2021, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Quyết định số 514/QĐ-BTP ban hành Kế hoạch triển khai Thỏa thuận toàn cầu về Di cư hợp pháp, an toàn và trật tự của Liên hợp quốc của Bộ Tư pháp trong giai đoạn 2020– 2030, tại Thừa Thiên Huế, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh đã có Kế hoạch số 197/KH-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2020 triển khai thực hiện Quyết định số 402/QĐ-TTg trên địa bàn tỉnh.

Để giải quyết và hạn chế tình trạng không quốc tịch, không có giấy tờ chứng minh về nhân thân, quốc tịch, trong những năm qua, Thừa Thiên Huế đã triển khai có hiệu quả các chính sách, giải pháp của Nhà nước ta nhằm giải quyết vấn đề này, kết quả đạt được như sau:

- Thực hiện giải quyết việc nhập quốc tịch Việt Nam theo quy định tại Điều 22 Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008, vào các năm 2011, 2012, Sở Tư pháp đã tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Tư pháp trình và được Chủ tịch nước giải quyết cho 147 người không quốc tịch tại địa bàn huyện A Lưới được nhập quốc tịch Việt Nam. Trên cơ sở quyết định của Chủ tịch nước, Sở Tư pháp đã phối hợp Công an tỉnh, UBND huyện A Lưới, UBND các xã liên quan đăng ký hộ tịch, cư trú, kết hôn... cho những người này và con cái của họ.

- Hoàn thành việc nhập quốc tịch cho 17 người Lào theo Đề án "Thỏa thuận giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào về việc giải quyết vấn đề người di cư tự do và kết hôn không giá thú trong vùng biên

(xem tiếp trang 16)

CÔNG TÁC TƯ PHÁP NĂM 2021
THÁCH THỨC VÀ CƠ HỘI

■ THIÊN AN

Năm 2021 diễn ra trong bối cảnh nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt sự bùng phát của đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến hoạt động của cả hệ thống chính trị nói chung và ngành Tư pháp nói riêng, khiến nhiều hoạt động, chương trình chưa thể tổ chức theo đúng kế hoạch đã đề ra. Trong bối cảnh đó, Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế đã linh hoạt, chủ động chuyển trạng thái để thích ứng tình hình mới và thực hiện mục tiêu kép: bảo đảm an toàn phòng, chống dịch bệnh và hoàn thành các nhiệm vụ tư pháp đạt hiệu quả, chất lượng.

Đồng chí Nguyễn Thanh Bình - Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị triển khai công tác Tư pháp năm 2021

1. Tình hình công tác Tư pháp năm 2021

Trong năm 2021, trước diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19 đã và đang tiếp tục tác động đến đời sống kinh tế - xã hội của tỉnh, ngành Tư pháp đã gặp rất nhiều khó khăn. Tuy nhiên, với sự chỉ đạo sâu sát của Lãnh đạo Sở cùng tinh thần, quyết tâm cao của toàn thể công chức, viên chức, người lao động, công tác tư pháp năm 2021 đã được triển khai có trọng tâm, trọng điểm, bám sát Nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân (HĐND), Chương trình, Kế hoạch của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh, Bộ Tư pháp. Trong đó một số nhiệm vụ công tác chuyển biến tích cực, đạt kết quả cao, nổi bật như: công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) được tiến hành bài bản hơn ngay từ khâu lập đề nghị xây dựng văn bản đến xây dựng và ban hành văn bản, đặc biệt là vị trí, vai trò thẩm định, góp ý của Sở Tư pháp được nâng cao. Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, nhất là tuyên truyền, phổ biến pháp luật phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 được đổi mới bằng hình thức ứng dụng công nghệ thông tin (qua trang Fanpage Pháp luật với Cuộc sống). Đặc biệt, trong năm 2021 Sở Tư pháp đã tổ chức thành công Cuộc thi "Báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật giỏi về pháp luật phòng, chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế" với sự tham gia của các cấp, các ngành và địa phương. Cuộc thi thể hiện sự sáng tạo, đổi mới, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Công tác hoà giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật được chú trọng thực hiện, góp phần ngăn chặn các hành vi phạm pháp luật trong cộng đồng dân cư. Công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính, theo dõi thi hành pháp luật được triển khai đồng bộ và đạt hiệu quả. Công tác hộ

tịch, quốc tịch, chứng thực, nuôi con nuôi, lý lịch tư pháp, đăng ký giao dịch bảo đảm, bồi thường nhà nước tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước, góp phần bảo đảm quyền con người, quyền công dân và phát triển kinh tế - xã hội. Quản lý nhà nước về bổ trợ tư pháp, trợ giúp pháp lý tiếp tục được tăng cường; tổ chức và hoạt động bổ trợ tư pháp được hoàn thiện theo chủ trương xã hội hóa đạt nhiều kết quả đáng ghi nhận, đóng góp vào việc cải cách tư pháp, phục vụ hiệu quả hoạt động của Tòa án và phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu của người dân, doanh nghiệp. Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tiếp tục được quan tâm thực hiện, đặc biệt là thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực luật sư, công chứng, hộ tịch, chứng thực nhằm kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và xử lý những vi phạm, đảm bảo việc chấp hành quy định của pháp luật của các tổ chức, doanh nghiệp. Tổ chức bộ máy Ngành Tư pháp không ngừng được hoàn thiện, năng lực, trình độ, phẩm chất cán bộ, công chức, viên chức Ngành Tư pháp được nâng cao, đào tạo bài bản, chuẩn hóa đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trong giai đoạn mới.

2. Đánh giá chung về những tác động của dịch bệnh Covid-19 đối với việc thực hiện Kế hoạch công tác năm 2021

Trong thời gian qua, trước tình hình dịch bệnh Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp, một số tỉnh, thành phố đã thực hiện giãn cách xã hội để giảm thiểu nguy cơ lây lan dịch bệnh từ bên trong và lây nhiễm từ bên ngoài. Nhất là giai đoạn từ tháng 4/2021 đến nay, dịch bệnh Covid-19 có nhiều đợt bùng phát mạnh đã ảnh hưởng nặng đến các hoạt động kinh tế - xã hội cả nước nói chung và tỉnh Thừa Thiên Huế nói riêng.

Ngành Tư pháp thực hiện việc cắt giảm 50% kinh phí hội nghị, công tác trong và ngoài nước, tiết kiệm thêm 10% kinh phí chi thường xuyên theo chỉ đạo chung nên việc tổ chức các Hội nghị tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về: công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật; hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; những người làm công tác pháp chế trên địa bàn tỉnh bị hạn chế thực hiện, thay vào đó đã chuyển sang tăng cường thực hiện hình thức cấp phát tài liệu; xây dựng các chuyên đề, tình huống, nghiên cứu - trao đổi để đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp hoặc chuyển sang tổ chức hội nghị trực tuyến.

Đối với công tác hành chính tư pháp do ảnh hưởng của dịch Covid-19, việc di chuyển của Nhân dân bị hạn chế dẫn đến một số trường hợp đăng ký khai sinh quá hạn (UBND huyện Phú Lộc).

Tình hình hoạt động của hành nghề của các tổ chức nghề nghiệp thuộc lĩnh vực bổ trợ tư pháp tương đối ổn định. Do tính chất, phạm vi hoạt động nên mức độ chịu ảnh hưởng từ dịch bệnh Covid đối với các tổ chức hành nghề trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp cũng khác nhau. Các tổ chức động hành nghề công chứng ít chịu sự ảnh hưởng do toàn tỉnh Thừa Thiên Huế chưa áp dụng biện pháp giãn cách xã hội so với cùng kỳ năm trước. Các tổ chức hoạt động hành nghề đấu giá, luật sư,... bị ảnh hưởng nhiều hơn do tỉnh Thừa Thiên Huế áp dụng biện pháp phòng dịch, hạn chế số lượng người tập trung, kiểm soát mạnh mẽ đối với các cá nhân đi về từ vùng dịch và một số địa phương áp dụng biện pháp giãn cách xã hội theo Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ nên các tổ chức không thể hành nghề tại những vùng có dịch. Tâm lý e ngại đến nơi tiếp xúc đông người của một bộ phận Nhân dân, cùng nhu cầu của khách hàng đối với dịch vụ pháp lý như bào chữa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trong các vụ án, vụ việc giảm; tiến độ công việc bị kéo dài, không thể tham gia các hoạt động tố tụng ở các vùng có dịch dẫn tới doanh thu của một số tổ chức hành nghề luật sư sụt giảm đáng kể. Số cuộc đấu giá thực hiện được so với số hợp đồng đã ký kết đạt thấp, nguyên nhân do việc giãn cách xã hội

tại một số thời điểm; lượng khách hàng tham gia đấu giá ít hơn hoặc có nhiều cuộc đấu giá phải tạm hoãn, tạm dừng do vượt số lượng người theo quy định về phòng dịch, điều này ảnh hưởng lớn đến hoạt động đấu giá của các tổ chức đấu giá tài sản (tăng thêm chi phí tổ chức đấu giá của các tổ chức và chi phí đi lại của khách hàng tham gia đấu giá và nhất là dễ phát sinh khiếu nại từ phía khách hàng do việc tạm dừng, tạm hoãn cuộc đấu giá). Một số khó khăn như các cuộc đấu giá quyền sử dụng đất thường diễn ra đông người cần lượng nhân sự phục vụ việc đấu giá nhiều, một số cuộc đấu giá đã thông báo nhưng gần tổ chức phải tạm dừng do dịch bệnh phức tạp ảnh hưởng đến các chi phí thông báo quảng cáo của các tổ chức đấu giá...

Việc tổ chức các Đoàn thanh tra, kiểm tra công tác tư pháp dù hoàn thành nhưng vẫn còn chậm so với kế hoạch đề ra do thời gian thực hiện hầu hết rơi vào giai đoạn cao điểm của dịch bệnh Covid.

Dịch bệnh cũng đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật được tăng cường qua công tác hòa giải ở cơ sở và xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật khi hầu hết các hội nghị tập huấn, bồi dưỡng kiến thức đều phải tạm hoãn để phòng dịch. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật còn khá mới mẻ, chưa thực sự thu hút, tương tác trực tiếp với người dùng.

3. Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác tư pháp năm 2021 tại địa bàn tỉnh còn có một số tồn tại, hạn chế đã được nêu cụ thể tại nội dung báo cáo, những hạn chế này xuất phát từ nhiều nguyên nhân chủ yếu liên quan đến thể chế pháp luật một số lĩnh vực có vướng mắc đang trong quá trình sửa đổi, hoàn thiện; về vai trò tham mưu của một số đơn vị, tổ chức pháp chế, cơ quan tư pháp địa phương chưa được phát huy đầy đủ; điều kiện về kinh phí bảo đảm triển khai công việc trong một số lĩnh vực còn hạn chế...

4. Giải pháp trọng tâm năm 2022

- Tiếp tục đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành, trong đó chú trọng xây dựng các chương trình, kế hoạch công tác cụ thể, có tính khả thi cao, tránh chồng chéo, bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, huyện, xã; kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác chuyên môn, nghiệp vụ.

- Kịp thời ban hành hoặc đề xuất ban hành các văn bản nhằm tháo gỡ những quy định còn có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không còn phù hợp với thực tiễn trong các lĩnh vực quản lý của ngành. Chủ động thông tin, phối hợp và tranh thủ sự ủng hộ của các Sở, ngành và cấp ủy, chính quyền các cấp trong công tác tư pháp, pháp chế từ tỉnh đến huyện, xã. Kịp thời phát hiện, xử lý hoặc báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của cấp trên để có giải pháp tháo gỡ những khó khăn, bất cập trong công tác.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương công tác; đổi mới lề lối làm việc; phát huy hiệu quả các công cụ quản lý kiểm tra, thanh tra; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu; xử lý nghiêm các biểu hiện tiêu cực, các vi phạm trong khi giải quyết yêu cầu của người dân, nhất là trong các lĩnh vực công chứng, đấu giá tài sản, hộ tịch, lý lịch tư pháp tại địa phương.

Có thể nói, năm 2021 đã đặt ra những thách thức to lớn đối với Ngành Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế, đòi hỏi phải có sự chuyển mình, phát huy hơn nữa sức mạnh đoàn kết, tinh thần chủ động, sáng tạo để vượt qua giai đoạn khó khăn, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Những thành tích đạt được nêu trên là kết quả từ sự quan tâm chỉ đạo của Lãnh đạo Sở và nỗ lực, phấn đấu của toàn thể công chức, viên chức, người lao động Sở Tư pháp. Qua đó khẳng định được vị trí, ý nghĩa của Ngành Tư pháp, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế.

T.A

ỦY QUYỀN VÀ CHỨNG THỰC, CÔNG CHỨNG VĂN BẢN ỦY QUYỀN

■ DIỆU HƯƠNG

Ủy quyền là chế định pháp luật được quy định tại Bộ luật Dân sự (năm 2015). Trong thực tiễn cuộc sống, ủy quyền được áp dụng trong nhiều trường hợp để xác lập, thực hiện giao dịch dân sự. Tuy nhiên, nhiều người dân vẫn chưa hiểu hết các quy định liên quan đến ủy quyền cũng như việc công chứng, chứng thực chữ ký trong văn bản ủy quyền chưa được quy định đầy đủ.

(Ảnh sưu tầm)

1. Ủy quyền là gì?

Ủy quyền được quy định tại Điều 138 Bộ luật dân sự năm 2015 về đại diện theo ủy quyền như sau:

"1. Cá nhân, pháp nhân có thể ủy quyền cho cá nhân, pháp nhân khác xác lập, thực hiện giao dịch dân sự.

2. Các thành viên hộ gia đình, tổ hợp tác, tổ chức khác không có tư cách pháp nhân có thể thỏa thuận cử cá nhân, pháp nhân khác đại diện theo ủy quyền xác lập, thực hiện giao dịch dân sự liên quan đến tài sản chung của các thành viên hộ gia đình, tổ hợp tác, tổ chức khác không có tư cách pháp nhân.

3. Người từ đủ mười lăm tuổi đến chưa đủ mười tám tuổi có thể là người đại diện theo ủy quyền, trừ trường hợp pháp luật quy định giao dịch dân sự phải do người từ đủ mười tám tuổi trở lên xác lập, thực hiện".

Thời hạn ủy quyền do các bên thỏa thuận hoặc do pháp luật quy định; nếu không có thỏa thuận và pháp luật không có quy định thì hợp đồng ủy quyền có hiệu lực 01 năm, kể từ ngày xác lập việc ủy quyền (Điều 563 Bộ luật dân sự năm 2015).

Bên được ủy quyền được ủy quyền lại cho người khác trong trường hợp có sự đồng ý của bên ủy quyền; Do sự kiện bất khả kháng nếu không áp dụng ủy quyền lại thì mục đích xác lập, thực hiện giao dịch dân sự vì lợi ích của người ủy quyền không thể thực hiện được. Việc ủy quyền lại không được vượt quá phạm vi ủy quyền ban đầu. Hình thức hợp đồng ủy quyền lại phải phù hợp với hình thức ủy quyền ban đầu (Điều 564 Bộ luật dân sự năm 2015).

2. Nội dung (phạm vi) ủy quyền

Bộ luật Dân sự năm 2015 không quy định rõ phạm vi hay là những vấn đề được ủy quyền. Nội dung được quy định cụ thể tại một số văn bản pháp luật chuyên ngành. Tuy nhiên, việc ủy quyền phải bảo đảm quy định chung tại

Điều 3, Điều 9, Điều 10 Bộ luật Dân sự năm 2015. Theo đó, cá nhân, pháp nhân thực hiện quyền dân sự theo ý chí của mình, không được trái với các nguyên tắc cơ bản và giới hạn của việc thực hiện quyền dân sự.

- Các nguyên tắc cơ bản gồm:

+ Mọi cá nhân, pháp nhân đều bình đẳng, không được lấy bất kỳ lý do nào để phân biệt đối xử; được pháp luật bảo hộ như nhau về các quyền nhân thân và tài sản.

+ Cá nhân, pháp nhân xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình trên cơ sở tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận. Mọi cam kết, thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội có hiệu lực thực hiện đối với các bên và phải được chủ thể khác tôn trọng.

+ Cá nhân, pháp nhân phải xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình một cách thiện chí, trung thực.

+ Việc xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự không được xâm phạm đến lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác.

+ Cá nhân, pháp nhân phải tự chịu trách nhiệm về việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ dân sự.

- Giới hạn việc thực hiện quyền dân sự:

+ Cá nhân, pháp nhân không được lạm dụng quyền dân sự của mình gây thiệt hại cho người khác, để vi phạm nghĩa vụ của mình hoặc thực hiện mục đích khác trái pháp luật.

+ Trường hợp cá nhân, pháp nhân không tuân thủ quy định nêu trênn thì Tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền khác căn cứ vào tính chất, hậu quả của hành vi vi phạm mà có thể không bảo vệ một phần hoặc toàn bộ quyền của họ, buộc bồi thường nếu gây thiệt hại và có thể áp dụng chế tài khác do luật quy định.

3. Hình thức ủy quyền

Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về hợp đồng ủy quyền từ Điều 562 đến Điều 569. Tại Điều 562 quy định: *"Hợp đồng ủy quyền là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên được ủy quyền có nghĩa vụ thực hiện công việc nhân danh bên ủy quyền, bên ủy quyền chỉ phải trả thù lao nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định".*

Bộ luật Dân sự 2015 không quy định về hình thức Giấy ủy quyền. Tuy nhiên, Giấy ủy quyền lại được ghi nhận trên thực tế và tại nhiều văn bản khác, như: Luật Sở hữu trí tuệ 2005 (Điều 107), Thông tư số 58/2020/TT-BCA ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Bộ Công an quy định về quy trình cấp, thu hồi đăng ký, biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (khoản 19 Điều 20 quy định về giải quyết một số trường hợp khi đăng ký, cấp biển số xe). Như vậy, hình thức ủy quyền được thể hiện dưới hai hình thức: Hợp đồng ủy quyền và Giấy ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc do các bên thỏa thuận.

Trường hợp văn bản ủy quyền thể hiện bằng hình thức hợp đồng thì các quy định công chứng, chứng thực hợp đồng, giao dịch đã rõ ràng. Tuy nhiên, đối với trường hợp Giấy ủy quyền thì có một số vấn đề pháp lý như sau:

a) Chứng thực chữ ký trên Giấy ủy quyền

Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch quy định "Chứng thực chữ ký trong Giấy ủy quyền đối với trường hợp ủy quyền không có thù lao, không có nghĩa vụ bồi thường của bên được ủy quyền và không liên quan đến việc chuyển quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng bất động sản" (điểm d khoản 4 Điều 24). Điều 14 Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 02/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, quy định chứng thực chữ ký trên Giấy ủy quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 24 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP cụ thể như sau:

"1. Việc ủy quyền theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 24 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP thỏa mãn đầy đủ các điều kiện như không

có thù lao, không có nghĩa vụ bồi thường của bên được ủy quyền và không liên quan đến việc chuyển quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng bất động sản thì được thực hiện dưới hình thức chứng thực chữ ký trên giấy ủy quyền.

2. Phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều này, việc chứng thực chữ ký trên giấy ủy quyền được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

a) Ủy quyền về việc nộp hộ, nhận hộ hồ sơ, giấy tờ, trừ trường hợp pháp luật quy định không được ủy quyền;

b) Ủy quyền nhận hộ lương hưu, bưu phẩm, trợ cấp, phụ cấp;

c) Ủy quyền nhờ trông nom nhà cửa;

d) Ủy quyền của thành viên hộ gia đình để vay vốn tại Ngân hàng chính sách xã hội.

3. Đối với việc ủy quyền không thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này thì không được yêu cầu chứng thực chữ ký trên giấy ủy quyền; người yêu cầu chứng thực phải thực hiện các thủ tục theo quy định về chứng thực hợp đồng, giao dịch".

Như vậy, việc chứng thực chữ ký trên giấy ủy quyền chỉ được thực hiện trong trường hợp nêu trên.

b) Trường hợp công chứng Giấy ủy quyền

Đối với việc ủy quyền không thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư số 01/2020/TT-BTP thì không được yêu cầu chứng thực chữ ký trên giấy ủy quyền; người yêu cầu chứng thực phải thực hiện các thủ tục theo quy định về chứng thực hợp đồng, giao dịch.

Theo quy định tại Điều 116 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì "*Giao dịch dân sự là hợp đồng hoặc hành vi pháp lý đơn phương làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự".*

Như vậy, giao dịch dân sự có thể là hành vi pháp lý đơn phương. Đối với trường hợp giấy ủy quyền, văn bản thể hiện ý chí, hành vi pháp lý của một bên là bên ủy quyền. Trong trường hợp này, công chứng viên xác định công chứng giấy ủy quyền là hình thức công chứng giao dịch chỉ có một bên.

Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng 2014 thì có 07 mẫu lời chứng sau đây:

- Lời chứng chung đối với hợp đồng (giao dịch);
- Lời chứng đối với hợp đồng ủy quyền trong trường hợp bên ủy quyền và bên được ủy quyền không thể cùng đến một tổ chức hành nghề công chứng (Mẫu dùng cho bên ủy quyền; mẫu dùng cho bên được ủy quyền);
- Di chúc và văn sửa đổi/bổ sung/hủy bỏ di chúc
- Văn bản thỏa thuận phân chia/văn bản khai nhận di sản
- Văn bản từ chối nhận di sản
- Lời chứng đối với bản dịch.

Với các mẫu lời chứng nêu trên, lời chứng đối với hợp đồng (giao dịch) là mẫu lời chứng dùng cho trường hợp có 02 bên tham gia vào quan hệ hợp đồng, giao dịch; mẫu lời chứng thứ hai dùng cho hợp đồng ủy quyền trong trường hợp các bên không thể cùng đến một tổ chức hành nghề công chứng. Như vậy, không có mẫu lời chứng đối với giấy ủy quyền, nói cách khác là mẫu lời chứng dùng cho giao dịch chỉ có một bên trong quan hệ.

Từ thực tiễn đó, các công chứng viên vận dụng mẫu lời chứng đối với hợp đồng ủy quyền trong trường hợp bên ủy quyền và bên được ủy quyền không thể cùng đến một tổ chức hành nghề công chứng (Mẫu dùng cho bên ủy quyền) để thực hiện công chứng giấy ủy quyền.

Để bảo đảm cơ sở pháp lý đối với việc công chứng giấy ủy quyền trong trường hợp trên, kiến nghị Bộ Tư pháp xem xét, hướng dẫn mẫu lời chứng đối với giấy ủy quyền để bảo đảm việc thực hiện thống nhất, đồng bộ trong hoạt động công chứng./.

D.H

MỘT SỐ NỘI DUNG TRAO ĐỔI VỀ HOÃN, GIẢM, MIỄN TIỀN PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

■ VĂN HÓA

Thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là giai đoạn kết thúc của quá trình thực hiện thủ tục xử phạt vi phạm hành chính. Tuy nhiên, để đạt được kết quả mong muốn, nhiều vấn đề liên quan đến việc tổ chức thi hành quyết định xử phạt cần được giải quyết một cách đồng bộ, từ cơ sở pháp lý đến điều kiện bảo đảm cho việc thi hành, khả năng, năng lực của người có thẩm quyền áp dụng pháp luật và ý thức thái độ của người vi phạm, trong đó, người có thẩm quyền xử phạt phải thực hiện các thủ tục thi hành quyết định xử phạt một cách đầy đủ, chặt chẽ, nhanh chóng, công minh, đúng quy định của pháp luật.

Sở Tư pháp kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử; quảng cáo tại Sở Thông tin và Truyền thông

Liên quan đến việc tổ chức thi hành quyết định xử phạt trong trường hợp được hoãn, giảm, miễn tiền phạt, Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định cụ thể tại Điều 76, Điều 77. Theo đó, Luật quy định về điều kiện và thủ tục như sau:

Đối với trường hợp hoãn thi hành quyết định phạt tiền

Về điều kiện: quyết định phạt tiền có thể được hoãn thi hành trong trường hợp cá nhân bị phạt tiền từ 3.000.000 đồng trở lên đang gặp khó khăn đặc biệt, đột xuất về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, bệnh hiểm nghèo, tai nạn và có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó học tập, làm việc.

Về thủ tục: cá nhân phải có đơn đề nghị hoãn chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính gửi cơ quan của người đã ra quyết định xử phạt. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được đơn, người đã ra quyết định xử phạt xem xét quyết định hoãn thi hành quyết định xử phạt đó.

Thời hạn hoãn thi hành quyết định xử phạt không quá 03 tháng, kể từ ngày có quyết định hoãn (mẫu MQĐ03 ban hành kèm theo Nghị định số 97/2017/NĐ-CP).

Đối với trường hợp giảm, miễn tiền phạt

Về điều kiện: cá nhân thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 76 của Luật Xử lý vi phạm hành chính mà không có khả năng thi hành quyết định thì có thể được xem xét giảm, miễn phần còn lại tiền phạt ghi trong quyết định xử phạt.

Về thủ tục: cá nhân xin giảm, miễn phải có đơn đề nghị giảm, miễn phần còn lại hoặc toàn bộ tiền phạt gửi người đã ra quyết định xử phạt. Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận được đơn, người đã ra quyết định xử phạt phải chuyển đơn kèm hồ sơ vụ việc đến cấp trên trực tiếp. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được đơn, cấp trên trực tiếp phải xem xét

quyết định và thông báo cho người đã ra quyết định xử phạt, người có đơn đề nghị giảm, miễn biết; nếu không đồng ý với việc giảm, miễn thì phải nêu rõ lý do (mẫu MQĐ04 ban hành kèm theo Nghị định số 97/2017/NĐ-CP).

Tuy nhiên, qua thực tiễn triển khai thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính cho thấy các cơ quan, đơn vị, địa phương còn lúng túng và có nhiều cách hiểu khác nhau về giảm, miễn tiền phạt, cụ thể: Cách hiểu thứ nhất cho rằng: không nhất thiết phải áp dụng quyết định hoãn thi hành quyết định phạt tiền rồi mới áp dụng quyết định giảm, miễn tiền phạt. Cách hiểu thứ hai cho rằng: Phải áp dụng quyết định hoãn thi hành quyết định phạt tiền rồi mới áp dụng quyết định giảm, miễn tiền phạt.

Qua nghiên cứu các quy định hiện hành về giảm, miễn tiền phạt, tác giả đồng tình với quan điểm thứ hai vì các lý do sau đây:

Thứ nhất, khoản 1 Điều 77 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định: *"Cá nhân thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 76 của Luật này mà không có khả năng thi hành quyết định thì có thể được xem xét giảm, miễn phần còn lại tiền phạt ghi trong quyết định xử phạt."* Theo đó, khoản 1 Điều 76 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định về *"hoãn thi hành quyết định phạt tiền"*.

Thứ hai, khoản 4 Điều 10 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 97/2017/NĐ-CP) quy định:*"Trường hợp cá nhân đề nghị giảm, miễn phần còn lại hoặc toàn bộ tiền phạt theo quy định tại Điều 77 Luật xử lý vi phạm hành chính, thì phải có đơn đề nghị gửi người đã ra quyết định xử phạt trong thời hạn 10 ngày làm việc, trước khi hết thời hạn hoãn ghi trong quyết định hoãn thi hành quyết định xử phạt."*

Thứ ba, tại mẫu Quyết định số 04 về giảm/miễn phần còn lại (toàn bộ) tiền phạt vi phạm hành chính ban hành kèm theo Nghị định số 97/2017/NĐ-CP thì phần căn cứ ban hành có nội dung *"Căn cứ Quyết định hoãn thi hành quyết định phạt tiền số .../QĐ-HTHQĐPT"*. Do vậy, trước khi áp dụng quyết định giảm, miễn tiền phạt, phải áp dụng quyết định hoãn thi hành quyết định phạt tiền.

Một số nội dung lưu ý đối với cơ quan, người có thẩm quyền trong quá trình xem xét giảm, miễn tiền phạt:

Một là, Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật không quy định về việc giảm, miễn tiền phạt đối với tổ chức.

Hai là, đối với trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã ra quyết định xử phạt thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đó xem xét, quyết định việc giảm, miễn tiền phạt.

Ba là, cá nhân được hoãn chấp hành quyết định xử phạt/được giảm, miễn tiền phạt được nhận lại giấy tờ, tang vật, phương tiện đang bị tạm giữ theo quy định tại khoản 6 Điều 125 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Bốn là, các nội dung về hoãn, miễn, giảm tiền phạt đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020 (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2022), do đó, cần chủ động nghiên cứu, có kế hoạch chi tiết, cụ thể triển khai thực hiện các nội dung mới, các nội dung được sửa đổi, bổ sung liên quan đến điều kiện, trình tự, thủ tục, trách nhiệm và thẩm quyền theo quy định.

Để việc tổ chức thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính nói chung, và việc tổ chức thi hành quyết định xử phạt trong trường hợp được hoãn, giảm, miễn tiền phạt nói riêng theo đúng thẩm quyền, nội dung, điều kiện và thủ tục, xin đề xuất một số nội dung cụ thể như sau:

Một là, đối với cơ quan quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính:

- Tăng cường tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ theo hướng chuyên sâu, cầm tay chỉ việc. Có thể xây dựng chuyên đề tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên sâu về kỹ năng tổ chức thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức nhất là những người trực tiếp chịu trách nhiệm thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về vai trò của việc tổ chức thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và hệ quả pháp lý của việc thi hành quyết định

xử phạt vi phạm hành chính không đảm bảo quy định pháp luật.

- Bố trí cán bộ, công chức, viên chức có chuyên môn về pháp luật để tổ chức thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đảm bảo cơ sở pháp lý, điều kiện, thủ tục và thẩm quyền theo quy định.

- Tổng hợp các khó khăn, vướng mắc trong các quy định pháp luật liên quan đến xử lý vi phạm hành chính kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung để đảm bảo thống nhất, đồng bộ phù hợp với thực tiễn thi hành.

Hai là, đối với cán bộ, công chức, viên chức được giao nhiệm vụ tổ chức thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính:

- Phải tự mình nâng cao chuyên môn nghiệp vụ và đạo đức công vụ; thường xuyên cập nhật văn bản pháp luật về xử lý vi phạm hành chính để tránh tình trạng áp dụng văn bản hết hiệu lực thi hành.

- Theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự, thi hành án hình sự, tòa án (cơ quan ra các bản án, quyết định) không phải là cơ quan có trách nhiệm tổ chức thi hành bản án, quyết định đã tuyên. Tuy nhiên, theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính thì người có thẩm quyền ban hành quyết định xử phạt và cơ quan quản lý của họ cũng đồng thời phải chịu trách nhiệm tổ chức thi hành quyết định đó (Điều 73, Điều 78, Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính). Với đặc điểm này thì sau khi ra quyết định xử phạt, người có thẩm quyền và cơ quan quản lý của họ có vai trò chủ chốt tiến hành các thủ tục cần thiết để tổ chức thi hành quyết định xử phạt.

Có thể nói, các quy định về thi hành quyết định xử phạt trong Luật Xử lý vi phạm hành chính tương đối cụ thể, chi tiết (đặc biệt là so với các Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính trước đây) nhưng để áp dụng pháp luật chính xác đòi hỏi người có thẩm quyền không những phải nắm vững các quy định cụ thể mà còn phải có khả năng kết nối các nội dung liên quan với nhau để tổ chức thi hành một hoặc nhiều quyết định xử phạt thuộc trách nhiệm của mình. Bên cạnh đó, với đặc điểm đặc thù là việc tổ chức thi hành quyết định xử phạt trên thực tế sẽ áp dụng đối với đối tượng cụ thể, thông qua nhiều hoạt động khác nhau nên trong quá trình áp dụng pháp luật, người có thẩm quyền thi hành quyết định xử phạt cũng cần có thông tin, kinh nghiệm để có thể dự liệu, xử lý kịp thời các tình huống khác nhau.

Với những nội dung trao đổi trên đây, hy vọng các cơ quan, đơn vị, địa phương áp dụng pháp luật chính xác đối với việc thực hiện hoãn thi hành quyết định phạt tiền, giảm, miễn tiền phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật./.

V.H

SỞ TƯ PHÁP THỪA THIÊN HUẾ THAM GIA...

(tiếp theo trang 7)

giới hai nước"; các cá nhân được nhập quốc tịch đã được đăng ký cư trú, cấp Giấy Chứng minh nhân dân và đăng ký hộ tịch theo quy định.

Tại Hội nghị, các đơn vị tham gia đã được nghe các Báo cáo viên của Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực trình bày về tình hình di cư tại Việt Nam, quá trình tham gia Thỏa thuận toàn cầu về di cư hợp pháp, an toàn và trật tự của Liên hợp quốc và những nội dung cơ bản của Kế hoạch triển khai Thỏa thuận toàn cầu về di cư hợp pháp, an toàn và trật tự của Liên hợp quốc; hướng dẫn việc sử dụng mẫu phiếu rà soát người không quốc tịch, trẻ em là con lai, phụ nữ Việt Nam kết hôn với người nước ngoài (đã thôi quốc tịch Việt Nam nhưng chưa được nhập quốc tịch nước ngoài).

Trong năm 2022, Bộ Tư pháp sẽ xây dựng Kế hoạch giải quyết giấy tờ nhân thân cho người di cư, người không quốc tịch, trẻ em con lai.... Kế hoạch này sẽ nhằm hướng tới hạn chế tình trạng không có giấy tờ chứng minh về nhân thân, quốc tịch tại Việt Nam trong thời gian tới.

Tiếp đó, Bộ Tư pháp sẽ có hướng dẫn chi tiết về quy trình, thủ tục giải quyết giấy tờ pháp lý cho từng nhóm (theo hướng cầm tay chỉ việc) và thực hiện hướng dẫn điểm đối với một số địa phương./.

T.T.T

QUY ĐỊNH VỀ CẤP GIẤY XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG HÔN NHÂN, KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

■ TRẦN NGỌC TUẤN

Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân được hiểu là văn bản pháp lý chứng minh tình trạng hôn nhân của một người tại thời điểm người đó yêu cầu cấp Giấy xác nhận (chưa kết hôn với ai hoặc hiện tại đang có vợ/chồng hoặc có đăng ký kết hôn, nhưng đã ly hôn theo Bản án/Quyết định hoặc có đăng ký kết hôn, nhưng vợ/chồng đã chết…). Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (GXNTNHN) được sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau như: Để đăng ký kết hôn, làm thủ tục vay vốn, chứng minh tư cách chủ sở hữu khi mua bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch khác theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức...

Công chức tư pháp hộ tịch xã Quảng Vinh tiếp nhận thủ tục hành chính tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của UBND xã

1. Những quy định pháp luật về cấp GXNTTHN

a) Điều kiện cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân

Trường hợp yêu cầu cấp GXNTTHN nhằm mục đích kết hôn thì người yêu cầu phải đáp ứng đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, theo đó: nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên; việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định; không bị mất năng lực hành vi dân sự; việc kết hôn không thuộc một trong các trường hợp cấm kết hôn theo quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014[1]; Nhà nước không thừa nhận hôn nhân giữa những người cùng giới tính.

b) Thẩm quyền cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân

- Đối với công dân Việt Nam đang cư trú trong nước hoặc công dân nước ngoài và người không quốc tịch cư trú tại Việt Nam: Thẩm quyền cấp GXNTTHN thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú của người có yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân. Trường hợp người có yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân không có nơi thường trú, nhưng có đăng ký tạm trú theo quy định của pháp luật về cư trú thì Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi người đó đăng ký tạm trú cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.

- Đối với công dân Việt Nam đang cư trú ở nước ngoài có yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân trong thời gian ở trong nước: Thẩm quyền cấp GXNTTHN trong trường hợp này thuộc về Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi người đó đã cư trú trước khi xuất cảnh.

+ Đối với công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài có yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân

1 *Điểm a, b, c, d Khoản 2 Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014*

trong thời gian ở nước ngoài: Thẩm quyền cấp GXNTTHN thuộc về Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước mà người đó cư trú.

c) Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân

- Trình tự thực hiện: Người yêu cầu cấp GXNTTHN nộp 01 bộ hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền đã nêu ở trên (nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính).

*** Thành phần hồ sơ:**

- Giấy tờ phải xuất trình:

+ Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu.

+ Giấy tờ chứng minh nơi cư trú của người yêu cầu cấp GXNTTHN để xác định thẩm quyền.

(Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên).

- Giấy tờ phải nộp:

+ Tờ khai cấp GXNTTHN theo mẫu;

+ Trường hợp người yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân đã có vợ hoặc chồng nhưng đã ly hôn hoặc người vợ hoặc chồng đã chết thì phải xuất trình (bản chính) hoặc nộp bản sao giấy tờ hợp lệ (Quyết định của Tòa án, Giấy chứng tử) để chứng minh;

+ Công dân Việt Nam đã ly hôn, hủy việc kết hôn ở nước ngoài, sau đó về nước thường trú hoặc làm thủ tục đăng ký kết hôn mới tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam thì phải nộp bản sao trích lục ghi chú ly hôn, hủy kết hôn đã được giải quyết ở nước ngoài;

+ Trường hợp ủy quyền thực hiện yêu cầu cấp GXNTTHN: Nộp kèm theo văn bản ủy quyền đã được công chứng, chứng thực (trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực.

* Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc. Trường hợp người yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân đã từng đăng ký thường trú tại nhiều nơi khác nhau, người đó có trách nhiệm chứng minh về tình trạng hôn nhân của mình, cụ thể: Đối với việc đăng ký hộ tịch phải gửi văn bản đề nghị xác minh theo quy định, sau thời hạn 20 ngày kể từ ngày gửi văn bản xác minh mà không nhận được văn bản trả lời kết quả xác minh thì cơ quan đăng ký hộ tịch cho phép người yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân có văn bản cam đoan về nội dung cần xác minh. Người yêu cầu đăng ký hộ tịch chịu trách nhiệm về nội dung cam đoan của mình. Trường hợp cho phép người yêu cầu đăng ký hộ tịch lập văn bản cam đoan về nội dung yêu cầu đăng ký hộ tịch, cơ quan đăng ký hộ tịch có trách nhiệm giải thích rõ cho người lập văn bản cam đoan biết về trách nhiệm, hệ quả pháp lý của việc cam đoan không đúng sự thật. Cơ quan đăng ký hộ tịch từ chối giải quyết hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký hộ tịch, nếu có cơ sở xác định nội dung cam đoan không đúng sự thật.

d) Giá trị sử dụng của Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân

Căn cứ Điều 12, Thông tư số 04/2020/TT-BTP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch thì GXNTTHN có giá trị đến thời điểm thay đổi tình trạng hôn nhân hoặc 06 tháng kể từ ngày cấp, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Trường hợp yêu cầu cấp GXNTTHN để sử dụng vào mục đích khác, không phải để đăng ký kết hôn, thì người yêu cầu không phải đáp ứng điều kiện kết hôn; trong Giấy XNTTHN phải ghi rõ mục đích sử dụng, không có giá trị để đăng ký kết hôn. Số lượng Giấy XNTTHN được cấp theo yêu cầu.

Ví dụ: Giấy này được cấp để làm thủ tục mua nhà, không có giá trị để đăng ký kết hôn.

Trường hợp yêu cầu cấp Giấy XNTTHN để kết hôn với người cùng giới tính hoặc kết hôn với người nước ngoài tại Cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam thì cơ quan đăng ký hộ tịch từ chối giải quyết.

2. Một số khó khăn, vướng mắc

Một là, yêu cầu cấp GXNTTHN cho người chết không có cơ sở để thực hiện:

Trên thực tế, một số cơ quan, tổ chức yêu cầu phải có GXNTTHN của người đã chết khi thực hiện các giao dịch. Tuy nhiên, Luật Hộ tịch và các văn bản hướng dẫn thi hành không quy định việc cấp GXNTTHN cho người chết. Bên cạnh đó, tại Điều 2 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch thì người có yêu cầu cấp GXNTTHN trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện thay, tức là một người đang sống mới có thể trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện được. Do vậy, việc yêu cầu cấp GXNTTHN cho người chết không có cơ sở để giải quyết.

Hai là, thời hạn cấp GXNTTHN đối với các trường hợp yêu cầu cấp GXNTTHN cần xác minh: Theo quy định tại khoản 4 Điều 22 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ, trường hợp người yêu cầu cấp GXNTTHN đã từng đăng ký thường trú tại nhiều nơi khác nhau, người đó có trách nhiệm chứng minh về tình trạng hôn nhân của mình. Trường hợp người đó không chứng minh được thì công chức Tư pháp – Hộ tịch báo cáo Chủ tịch UBND cấp xã có văn bản đề nghị UBND cấp xã nơi người đó đã từng đăng ký thường trú tiến hành kiểm tra, xác minh về tình trạng hôn nhân của người đó. Trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, UBND cấp xã được yêu cầu tiến hành kiểm tra, xác minh và trả lời bằng văn bản cho UBND cấp xã yêu cầu về tình trạng hôn nhân của người đó trong thời gian thường trú tại địa phương. Ngoài ra, Điều 4 Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp cũng đã quy định giải quyết yêu cầu đăng ký hộ tịch đối với những trường hợp không nhận được kết quả xác minh là cho phép người yêu cầu đăng ký hộ tịch lập văn bản cam đoan về nội dung đó. Tuy nhiên, trên thực tế, việc xác minh mất nhiều thời gian hơn so với quy định của pháp luật trong khi đó thủ tục hành chính đã quy định rõ số ngày phải giải quyết. Đối với công dân qua nhiều nơi thường trú khác nhau cũng rất vất vả khi phải tự chứng minh về tình trạng hôn nhân của mình qua từng nơi cư trú. Mặt khác, hiện nay, nước ta chưa có cơ sở dữ liệu quốc gia về hộ tịch, trong khi công dân thường xuyên thay đổi chỗ ở.

Có thể thấy rằng, việc đơn giản hóa các thủ tục hành chính, trong đó có thủ tục cấp GXNTTHN đã được Chính phủ quan tâm và đề cập tại Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 4/7/2017 về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp. Theo đó, Bộ Tư pháp đã đưa ra phương án bãi bỏ thủ tục cấp GXNTTHN sau khi Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư vận hành. Tuy nhiên, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cần một quá trình lâu dài để hoàn thiện.

3. Kiến nghị, đề xuất

Trong giai đoạn Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư chưa được vận hành thống nhất trên cả nước cần có những giải pháp để tháo gỡ những vướng mắc trên thực tế tạo điều kiện thuận lợi cho người dân khi thực hiện thủ tục hành chính về cấp GXNTTHN, đề xuất:

Thứ nhất, Luật Hộ tịch cũng như pháp luật có liên quan (công chứng, đất đai, nhà ở, dân sự…) cần quy định rõ về đối tượng và trách nhiệm chứng minh/xác minh của các cơ quan, tổ chức để bảo đảm chặt chẽ trong việc áp dụng pháp luật nhưng không gây phiền hà, khó khăn cho người dân và cơ quan đăng ký hộ tịch trong việc cấp GXNTTHN (như việc yêu cầu nộp GXNTTHN của người đã chết).

Thứ hai, trong thời gian tới các cơ quan có liên quan cần khẩn trương, chủ động trong việc đẩy nhanh tiến độ xây dựng, hoàn thiện Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư kết nối với các hệ thông thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các Bộ, ngành, địa phương nhằm đơn giản hóa các thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước về dân cư tiến tới bãi bỏ các giấy tờ không cần thiết, đảm bảo tính thuận lợi, chính xác trong việc xác minh thông tin của công dân.

T.N.T

MỘT SỐ HẠN CHẾ TRONG CÔNG TÁC XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

■ THỦY PHƯƠNG

Thời gian qua, với sự tích cực, chủ động triển khai, đồng bộ các giải pháp, công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) trên địa bàn tỉnh đã đạt được những kết quả tích cực. Theo đó, hệ thống văn bản của tỉnh đã thể chế hóa đầy đủ, kịp thời các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trên nhiều lĩnh vực, góp phần điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trên địa bàn, nhất là những vấn đề mang tính thời sự, cấp bách cần được giải quyết kịp thời, hiệu quả. Nhìn chung, văn bản QPPL do có quan có thẩm quyền ban hành đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý nhà nước trên địa bàn, đã hạn chế tình trạng ban hành văn bản chưa đảm bảo về thẩm quyền, nội dung và thể thức, kỹ thuật trình bày.

Đối với cấp tỉnh: Tính đến ngày 31/10/2021, các Sở, ban, ngành đã tích cực hoàn thiện, tham mưu Ủy ban nhân dân (UBND) trình Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh thông qua 31 Nghị quyết và 65 Quyết định của UBND tỉnh. Sở Tư pháp đã giúp UBND tỉnh tự kiểm tra 67/67 văn bản QPPL do UBND tỉnh ban hành (65 Quyết định ban hành năm 2021, 01 Quyết định ban hành năm 2017, 01 Quyết định ban hành năm 2020). Qua tự kiểm tra phát hiện 02 văn bản QPPL do UBND tỉnh ban hành có nội dung trái pháp luật[1] *và đã* tham mưu UBND tỉnh xử lý 02 văn bản này.

Một số văn bản QPPL chưa đảm bảo đúng quy trình ban hành văn bản QPPL. Theo quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL cơ quan soạn thảo phải lập đề nghị xây dựng văn bản (riêng Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương còn phải thực hiện quy trình lập đề nghị xây dựng Nghị quyết theo quy định tại các điều từ 112 đến 117 của Luật Ban hành văn bản QPPL); tổ chức soạn thảo dự thảo văn bản; lấy ý kiến dự thảo; thẩm định dự thảo; thẩm tra dự thảo; trình thông qua hoặc ban hành. Tuy nhiên, thực tế một số cơ quan soạn thảo vẫn chưa đảm bảo đúng quy trình ban hành văn bản QPPL như: chưa tổ chức lấy ý kiến đối tượng chịu tác động của văn bản, chưa đảm bảo thời gian lấy ý kiến cũng như đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh; thiếu đề nghị xây dựng nghị quyết, dẫn đến vẫn còn tình trạng ban hành văn bản mà chưa đánh giá đầy đủ tác động của chính sách trên các lĩnh vực theo quy định.

- Tính dự báo của một số chính sách trong Nghị quyết của HĐND tỉnh chưa cao, dẫn đến thời hạn áp dụng văn bản ngắn. Luật Ban hành văn bản QPPLvà Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL quy định trường hợp HĐND tỉnh ban hành chính sách phải thực hiện đánh giá tác động của chính sách theo các khía cạnh như: tác động về kinh tế, về xã hội, về giới; thủ tục hành chính (nếu có), tác động đối với hệ thống pháp luật. Tuy nhiên, các nội dung trên thời gian qua chưa được thực hiện đầy đủ nên một số chính sách của tỉnh trong các lĩnh vực như Kế hoạch và đầu tư, nông nghiệp và phát triển nông thôn… chưa dự báo được toàn diện các tác động nên sau khi văn bản được ban hành trong thời gian ngắn đã phải sửa đổi, bổ sung.

- Một số cơ quan vẫn chưa thực sự chủ

1. Quyết định số 30/2017/QĐ-UBND ngày 12/5/2017 và Quyết định số 44/2020/QĐ-UBND ngày 14/8/2020

động trong việc lập đề nghị xây dựng các dự thảo văn bản QPPL, có một số dự thảo đến gần kỳ họp, phiên họp của HĐND mới đề nghị bổ sung. Một số trường hợp, chất lượng lập đề nghị, tài liệu gửi thẩm định chưa bảo đảm; hồ sơ chưa đầy đủ, trình tự thủ tục chưa thực hiện theo đúng theo Luật ban hành văn bản QPPL.

- Trong quá trình xây dựng văn bản thiếu sự tham gia của chuyên gia trong các lĩnh vực, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị xã hội trong việc góp ý, thẩm định, phản biện các chính sách của tỉnh.

Đối với cấp huyện

Trong năm 2021, thực hiện kiểm tra theo thẩm quyền đối với với 22 văn bản QPPL do HĐND, UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế gửi đến. Qua đó, phát hiện 03 văn bản có dấu hiệu trái pháp luật, đã tham mưu Lãnh đạo Sở ban hành các kết luận kiểm tra, kiến nghị xử lý theo quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL. Kết quả, UBND và HĐND huyện đã ban hành quyết định bãi bỏ các văn bản trái pháp luật.

Thực hiện quyết định ủy quyền của chủ tịch UBND tỉnh, Giám đốc Sở tư pháp đã thành lập 05 Đoàn kiểm tra liên ngành, thực hiện kiểm tra 140 văn bản QPPLvà văn bản có chứa QPPL do HĐND, UBND huyện Quảng Điền, Phú Lộc, Phú Vang, thị xã Hương Trà, thị xã Hương Thủy ban hành. Đa số các văn bản QPPL được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định; nội dung bảo đảm tính thống nhất, hiệu lực pháp lý của văn bản pháp luật. Nhìn chung, công tác ban hành văn bản QPPL của HĐND, UBND cấp huyện đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất của hệ thống pháp luật của UBND tỉnh; từng bước lập lại trật tự, kỷ cương, nâng cao chất lượng công tác soạn thảo, ban hành văn bản QPPL ở địa phương. Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác này vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như hệ thống văn bản ở cấp huyện còn quy định lặp lại với văn bản của cấp trên; một số địa phương đã ban hành văn bản có chứa QPPL nhưng không được ban hành bằng hình thức văn bản QPPL, văn bản có chứa QPPL nhưng do cơ quan, người không có thẩm quyền ban hành và một số văn bản có sai sót về kỹ thuật trình bày văn bản QPPL[2].

Việc xử lý kết luận văn bản trái pháp luật đã được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả. Phần lớn văn bản trái pháp luật sau khi tự phát hiện hoặc do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra phát hiện, kết luận đều được cơ quan ban hành có phương án xử lý.

Những tồn tại hạn chế nêu trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong đó chủ yếu như: Nguồn nhân lực và các điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, kinh phí phục vụ công tác xây dựng thể chế chưa tương xứng với yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra; sự phát triển của nền kinh tế tỉnh nhà dẫn đến có nhiều vấn đề phát sinh trong xã hội mà văn bản của tỉnh chưa thể dự liệu; nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền về mục đích, yêu cầu công tác xây dựng văn bản QPPL vẫn chưa thực sự đầy đủ, nhất quán; công tác chuẩn bị xây dựng dự thảo văn bản QPPL, đặc biệt là tại các kỳ họp của HĐND tỉnh thiếu chủ động do đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng thể chế chủ yếu là làm công tác chuyên môn và kiêm nhiệm, cán bộ tham gia soạn thảo văn bản phần lớn chưa được đào tạo về nghiệp vụ xây dựng văn bản QPPL.

Để kịp thời khắc phục những hạn chế, tồn tại nêu trên, thực hiện tốt hơn công tác xây dựng và ban hành văn bản QPPL, cần tiếp tục đẩy mạnh công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc các sở, ngành, địa phương thực hiện hiệu quả công tác kiểm tra và xử lý văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh.

(xem tiếp trang 32)

2. Phú Lộc: 04 *văn bản; Quảng Điền: 09 văn bản; Hương Thủy: 03 văn bản; Hương Trà: 08 văn bản; Phú Vang: 06 văn bản).*

QUYẾT ĐỊNH SỐ 25/2021/QĐ-TTG DẤU MỐC MỚI CỦA CÔNG TÁC ĐÁNH GIÁ XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

■ THÙY TRANG

Ngày 08 tháng 5 năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 619/QĐ-TTg về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Quyết định số 619/QĐ-TTg). Trên cơ sở Quyết định số 619/QĐ-TTg, Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28 tháng 7 năm 2017 quy định về điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một số nội dung về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Qua hơn 04 năm thực hiện, Quyết định số 619/QĐ-TTg đã góp phần hoàn thiện thể chế, tạo cơ sở pháp lý để triển khai đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên cả nước, giúp chính quyền cấp xã tăng cường trách nhiệm trong quản lý nhà nước, tổ chức thi hành pháp luật và thực hiện dân chủ ở cơ sở. Qua đó, các chủ trương, chính sách, văn bản pháp luật của của Đảng và Nhà nước được tuyên truyền, phổ biến kịp thời, góp phần nâng cao nhận thức pháp luật của Nhân dân. Các thiết chế thông tin, văn hóa, pháp luật tại cơ sở được quan tâm, bảo đảm quyền tiếp cận thông tin, phổ biến pháp luật của Nhân dân trên địa bàn cấp xã. Việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở được chú trọng, thực hiện nghiêm túc. Cơ sở làm việc của chính quyền các xã, phường, thị trấn được cải thiện đáng kể...

Tập huấn nghiệp vụ xây dựng xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật tại huyện A Lưới

Tuy nhiên, qua hơn 04 năm thực tế, Quyết định số 619/QĐ-TTg cũng đã bộc lộ một số bất cập, hạn chế như: (1) Trong quy trình đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật chưa quy định cụ thể thời hạn của cấp tỉnh. (2) Tiêu chí đánh giá "*phường, thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh; đảng bộ, chính quyền cấp xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"; là tiêu chí đánh giá thi đua, khen thưởng hằng năm của chính quyền cấp xã*" vẫn chưa được cụ thể hóa trong các văn bản liên quan. (3) Một số chỉ tiêu, tiêu chí khó thẩm định, phụ thuộc nhiều vào sự đánh giá một cách chủ quan của đơn vị khi tự chấm điểm, ví dụ: tổ chức quán triệt, phổ biến các văn bản, chính sách pháp luật mới

ban hành cho cán bộ, công chức cấp xã, triển khai các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho Nhân dân trên địa bàn cấp xã bằng hình thức phù hợp; bố trí đủ kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và hòa giải ở cơ sở theo quy định… (4) Quyết định số 619/QĐ-TTg chủ yếu quy định về các điều kiện đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và trình tự, thủ tục để thực hiện mà chưa thực sự tạo động lực mạnh để chính quyền sở tại nhìn nhận, chưa đề ra giải pháp quyết liệt, hiệu quả trong việc khắc phục hạn chế cũng như không ngừng nâng cao việc thực hiện các điều kiện nói chung và các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật nói riêng; thiếu các quy định cụ thể, chi tiết hơn để "xây dựng đạt chuẩn tiếp cận pháp luật"…

Những vướng mắc nêu trên đã ảnh hưởng phần nào đến hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực hiện Quyết định số 619/QĐ-TTg, từ đó đặt ra vấn đề cần phải ban hành văn bản mới nhằm khắc phục, điều chỉnh các tiêu chí, chỉ tiêu sao cho phù hợp với thực tiễn công tác đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật trong tình hình mới.

Từ những yêu cầu cấp thiết nêu trên, ngày 22 tháng 7 năm 2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg), được áp dụng từ năm 2022 và thay thế Quyết định số 619/QĐ-TTg.

Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg gồm 5 tiêu chí với 20 chỉ tiêu (so với Quyết định số 619/QĐ-TTg đã lược bỏ 08 chỉ tiêu do trùng lắp, chồng chéo; sửa đổi 16 chỉ tiêu nhằm phù hợp, khả thi trong việc thực hiện; bổ sung 04 chỉ tiêu theo hướng tập trung tới công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý, bảo đảm an toàn an ninh trật tự…). Nhìn chung, Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg được xây dựng tinh gọn, dễ áp dụng với trọng tâm là việc xây dựng, ban hành văn bản theo thẩm quyền để đảm bảo thi hành Hiến pháp, pháp luật tại cơ sở; tiếp cận thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý; thực hiện dân chủ ở cấp xã; tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; đảm bảo an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

Một vai điểm mới quan trọng ở Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg là việc quy định về điều kiện áp dụng mức điểm tổng chung thống nhất, không phân loại cấp xã loại I, loại II và loại II nhằm đảm bảo sự công bằng cho người dân cả nước trong thụ hưởng quyền, lợi ích chính đáng theo quy định của pháp luật; tăng thời gian thực hiện đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật cho cả cấp xã, cấp huyện để bảo đảm chất lượng công tác đánh giá, phù hợp với tính chất của yêu cầu, nhiệm vụ được giao; bỏ điều kiện về kết quả đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân trong thực hiện thủ tục hành chính ở cấp xã để tránh việc thực hiện mang tính chất hình thức, chưa hiệu quả. Bên cạnh đó, một số tiêu chí, chỉ tiêu mới đáng chú ý như: tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cho tuyên truyền viên pháp luật theo đúng quy định pháp luật về phổ biến giáo dục pháp luật (chỉ tiêu 5 tiêu chí 2); thông tin, giới thiệu về trợ giúp pháp lý theo đúng quy định pháp luật về trợ giúp pháp lý (chỉ tiêu 3 tiêu chí 3); không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chỉ tiêu 3 tiêu chí 5); đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh, trật tự" theo đúng quy định pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội (chỉ tiêu 4 tiêu chí 5).

Đồng thời, tại Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg đã quy định mới, phân công nhiệm vụ cũ thể, xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, địa phương trong trường hợp xã, phường, thị trấn chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật hoặc việc đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật không đúng quy định pháp luật.

Để kịp thời triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg trên địa bàn tỉnh, Sở Tư pháp đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 286/KH-UBND ngày 17/9/2021 về thực hiện quy định đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Theo đó, xác định 6 nhóm nhiệm vụ trọng tâm gồm: ban hành kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg; quán triệt, phổ biến, tập huấn để nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân, cộng đồng về tiêu chí, chỉ tiêu xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn; triển khai, hướng dẫn vận hành, áp dụng phần mềm quản lý, đánh giá công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; xây dựng các giải pháp nhằm thực hiện có hiệu quả Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg; kiểm tra, khảo sát mức độ hài lòng của Nhân dân, tổng hợp, báo cáo, tổ chức sơ kết, tổng kết, khen thưởng.

Có thể nói, việc ban hành Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg là dấu mốc quan trọng, từng bước hoàn thiện cơ sở pháp lý của công tác chuẩn tiếp cận pháp luật, góp phần đưa công tác chuẩn tiếp cận pháp luật thật sự là động lực để nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền cấp cơ sở trong sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước hiện nay./.

T.T

HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG,...

(tiếp theo trang 4)

tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh thật sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của đời sống xã hội. Nghiên cứu tổ chức cuộc vận động "Toàn Đảng, toàn dân khơi dậy khát vọng phát triển đất nước", với quyết tâm "sánh vai với các cường quốc" như tâm nguyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Nêu cao trách nhiệm nêu gương trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về ý chí, tự lực, tự cường dân tộc, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh trong cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu. Đề cao việc phát huy vai trò, trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, trước hết là các đồng chí Uỷ viên Bộ Chính trị, Uỷ viên Ban Bí thư, Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng theo phương châm cán bộ có chức vụ càng cao càng phải gương mẫu, khẳng định vai trò lãnh đạo, tính tiên phong, gương mẫu «trên trước, dưới sau», «đảng viên đi trước, làng nước theo sau». Mỗi cán bộ, đảng viên cần phát huy vai trò nêu gương trong xây dựng ý chí, khát vọng phát triển của bản thân và của cơ quan, đơn vị. Mỗi cán bộ, đảng viên tự nêu gương sáng, hàng triệu đảng viên là những tấm gương sáng, toàn Đảng ta sẽ thực sự trong sạch, vững mạnh, gắn bó máu thịt với nhân dân. Đây là điều kiện tiên quyết để khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc trong Đảng và xã hội.

- Coi trọng công tác kiểm tra, giám sát. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về "Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh" gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay; Nghị quyết TW khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, những biểu hiện "tự chuyển biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ; bảo đảm cho việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả thực chất. Phát huy vai trò giám sát của các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, báo chí và nhân dân đối với cán bộ, đảng viên trong thực hiện nêu gương./.

T.A

QUY ĐỊNH QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở, SỞ HỮU NHÀ Ở CỦA NGƯỜI VIỆT NAM ĐỊNH CƯ Ở NƯỚC NGOÀI

■ HỒNG OANH

(Ảnh sưu tầm)

Hiến pháp năm 2013 nêu rõ: Người Việt Nam định cư ở nước ngoài là bộ phận không tách rời của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khuyến khích và tạo điều kiện để người Việt Nam định cư ở nước ngoài giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam, giữ quan hệ gắn bó với gia đình và quê hương, góp phần xây dựng quê hương, đất nước (Điều 18). Vì vậy, trong chính sách đất đai và nhà ở, pháp luật nước ta có những quy định cụ thể về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở của người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

1. Quy định về người Việt Nam định cư ở nước ngoài

Theo quy định tại khoản 3 và 4 Điều 3 Luật quốc tịch Việt Nam 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014): người Việt Nam định cư ở nước ngoài là công dân Việt Nam và người gốc Việt Nam cư trú, sinh sống lâu dài ở nước ngoài. Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài là người Việt Nam đã từng có quốc tịch Việt Nam mà khi sinh ra quốc tịch của họ được xác định theo nguyên tắc huyết thống và con, cháu của họ đang cư trú, sinh sống lâu dài ở nước ngoài.

Như vậy, người Việt Nam định cư ở nước ngoài gồm 02 đối tượng, đó là: (1) Công dân Việt Nam cư trú, sinh sống lâu dài ở nước ngoài; (2) Người gốc Việt Nam cư trú, sinh sống lâu dài ở nước ngoài.

2. Quyền sở hữu nhà ở của người Việt Nam định cư ở nước ngoài

a) Điều kiện sở hữu nhà ở

- Theo quy định tại Điều 7 Luật Nhà ở 2014, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuộc đối tượng được sở hữu nhà ở tại Việt Nam.

- Điều kiện được công nhận quyền sở hữu nhà ở của người Việt Nam định cư ở nước ngoài, theo quy định tại Điều 8 Luật Nhà ở 2014, gồm:

+ Người Việt Nam định cư ở nước ngoài phải được phép nhập cảnh vào Việt Nam.

+ Có nhà ở hợp pháp thông qua các hình thức sau đây: Mua, thuê mua nhà ở thương mại của doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh bất động sản (gọi chung là doanh nghiệp kinh doanh bất động sản); mua, nhận tặng cho, nhận đổi, nhận thừa kế nhà ở của hộ gia đình, cá nhân; nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở trong dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại được phép bán nền để tự tổ chức xây dựng nhà ở theo quy định của pháp luật.

Giấy tờ chứng minh đối tượng được sở hữu nhà ở được quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.

b) Trường hợp người Việt Nam định cư ở nước ngoài không được nhập cảnh vào Việt Nam mà được tặng cho hoặc được thừa kế nhà ở tại Việt Nam

Theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP thì người Việt Nam định cư ở nước ngoài nếu không được nhập cảnh vào Việt Nam mà được tặng cho hoặc được thừa kế nhà ở tại Việt Nam thì không được công nhận quyền sở hữu nhà ở. Trường hợp này được giải quyết theo quy định tại khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 78 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP, cụ thể:

- Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác đang cư trú, hoạt động tại Việt Nam bán hoặc tặng cho nhà ở. Việc bán, tặng cho nhà ở được thực hiện khi có các giấy tờ theo quy định sau đây:

+ Có hợp đồng tặng cho, giấy tờ về thừa kế nhà ở được lập theo quy định của pháp luật về nhà ở và pháp luật dân sự của Việt Nam;

+ Có giấy tờ chứng minh quyền sở hữu nhà ở của bên tặng cho, bên để thừa kế theo quy định của Luật Nhà ở và Điều 72 của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP (chứng minh điều kiện nhà ở tham gia giao dịch đối với trường hợp không bắt buộc phải có Giấy chứng nhận);

+ Có văn bản ủy quyền bán hoặc tặng cho nhà ở được lập theo quy định của pháp luật dân sự nếu ủy quyền cho người khác bán, tặng cho nhà ở.

- Trường hợp trong số đối tượng được thừa kế nhà ở có cả người thuộc diện được sở hữu nhà ở tại Việt Nam và người không thuộc diện được sở hữu nhà ở tại Việt Nam thì các bên được thừa kế phải thống nhất phân chia tài sản nhà ở này theo một trong các trường hợp sau đây:

+ Các bên thống nhất đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đối với nhà ở đó cho người thuộc diện được sở hữu nhà ở tại Việt Nam;

+ Các bên thống nhất thực hiện tặng cho hoặc bán nhà ở này cho đối tượng thuộc diện được sở hữu nhà ở tại Việt Nam để hưởng giá trị.

3. Quyền sử dụng đất ở của người Việt Nam định cư ở nước ngoài

a) Quyền sử dụng đất ở của người Việt Nam định cư ở nước ngoài theo quy định của pháp luật đất đai

Theo quy định tại Điều 5 Luật Đất đai năm 2013, người Việt Nam định cư ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về quốc tịch là đối tượng sử dụng đất được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển quyền sử dụng đất theo quy định.

Theo Điều 186 của Luật Đất đai năm 2013 quy định quyền và nghĩa vụ về sử dụng đất ở của người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam; người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài không thuộc đối tượng được mua nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam, thì:

- Trường hợp Người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuộc các đối tượng có quyền sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà

ở thì có quyền sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam và có các quyền, nghĩa vụ chung của người sử dụng đất; được chuyển quyền sử dụng đất ở khi bán, tặng cho, để thừa kế, đổi nhà ở cho tổ chức, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuộc diện được sở hữu nhà ở tại Việt Nam để ở; tặng cho nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở cho Nhà nước, cộng đồng dân cư, tặng cho nhà tình nghĩa; thế chấp nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại tổ chức tín dụng được phép hoạt động tại Việt Nam; cho thuê, ủy quyền quản lý nhà ở trong thời gian không sử dụng.

- Trường hợp người Việt Nam định cư ở nước ngoài tặng cho, để thừa kế cho đối tượng không thuộc diện được sở hữu nhà ở tại Việt Nam thì đối tượng này chỉ được hưởng giá trị của nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở. Việc giải quyết cụ thể như sau:

+ Trường hợp tất cả đối tượng thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất không thuộc diện được sở hữu nhà ở tại Việt Nam thì người nhận thừa kế không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nhưng được chuyển nhượng hoặc được tặng cho quyền sử dụng đất thừa kế. Nếu chưa chuyển nhượng hoặc chưa tặng cho quyền sử dụng đất thì người nhận thừa kế hoặc người đại diện có văn bản ủy quyền theo quy định nộp hồ sơ về việc nhận thừa kế tại cơ quan đăng ký đất đai để cập nhật vào Sổ địa chính.

+ Trường hợp có người thừa kế không thuộc diện được sở hữu nhà ở tại Việt Nam và những người khác thuộc diện được nhận thừa kế quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai mà chưa phân chia thừa kế thì những người nhận thừa kế hoặc người đại diện có văn bản ủy quyền theo quy định nộp hồ sơ về việc nhận thừa kế tại cơ quan đăng ký đất đai để cập nhật vào Sổ địa chính. Sau khi giải quyết xong việc phân chia thừa kế thì cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người thuộc đối tượng được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài không thuộc đối tượng được mua nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam thì phần thừa kế được giải quyết theo phương thức chuyển nhượng hoặc được tặng cho, nếu chưa chuyển nhượng hoặc chưa tặng cho quyền sử dụng đất thì người nhận thừa kế hoặc người đại diện có văn bản ủy quyền theo quy định nộp hồ sơ về việc nhận thừa kế tại cơ quan đăng ký đất đai để cập nhật vào Sổ địa chính.

+ Trong trường hợp người thừa kế không thuộc diện được sở hữu nhà ở tại Việt Nam chưa chuyển nhượng hoặc chưa tặng cho quyền sử dụng đất thì người nhận thừa kế được ủy quyền bằng văn bản cho người trông nom hoặc tạm sử dụng đất và thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan.

b) Trường hợp người Việt Nam định cư ở nước ngoài đã có quyền sử dụng đất ở (không thuộc trường hợp sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở)

Trên thực tế, không ít các trường hợp người Việt Nam định cư ở nước ngoài đã có quyền sử dụng đất ở trong thời gian sinh sống tại Việt Nam (nghĩa là có quyền sử dụng đất ở trước thời điểm xuất cảnh định cư ở nước ngoài). Tuy nhiên, pháp luật đất đai và các văn bản pháp luật liên quan hiện hành cũng không quy định về việc chấm dứt quyền sử dụng đất ở (nếu không thuộc các trường hợp được nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai) đối với những trường hợp này. Do đó, theo quan điểm của tác giả, họ vẫn có quyền của người sử dụng đất đối với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận trước khi định cư ở nước ngoài. Khi giải quyết việc thực hiện quyền của người sử dụng đất trong trường hợp này thì áp dụng Điều 186 của Luật Đất đai năm 2013./.'

H.O

Câu chuyện Trợ giúp pháp lý:

ÁNH MẮT CỦA HY VỌNG

■ HỒ NGỌC LIÊM

Ai đã một lần lên miền núi huyện A Lưới đều đã từng bắt gặp những cung đường đèo uốn lượn, nghe gió thổi bay làn tóc mai trong sương sớm cũng như phong cảnh của núi rừng hùng vĩ đẹp đến nao lòng và đâu đó trên những bước đường xa tôi lại chợt say lòng với những cái nhìn lung liếng của những cô sơn nữ. Nhưng có lẽ ẩn sâu trong tiềm thức khi nhắc về miền núi xa xôi ấy, tôi lại nhớ đến những đôi mắt trong veo, hồn nhiên của những đứa trẻ vùng cao và đặc biệt là ánh mắt của anh H.V.Y là bị cáo trong vụ án "Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm".

Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế truyền thông về pháp luật tại các xã nghèo, thôn đặc biệt khó khăn tại huyện A Lưới

Vụ án xảy ra trong khoảng thời gian từ ngày 04/6/2020 đến ngày 20/7/2021 tại huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế. H.V.Y cùng với những người khác vào rừng tự nhiên với mục đích tìm kiếm ếch, cá, ong và thú rừng để làm thức ăn phục vụ cuộc sống bản thân và gia đình, khi vào rừng thì phát hiện một đàn thú và không biết đó là "Voọc Chà vá chân đỏ" thuộc loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ nên H và T ra hiệu cho H.V.Y ngồi xuống để núp, còn H và T tiến lại gần bắn chết 03 cá thể "Voọc Chà vá chân nâu". Sau đó mang về với mục đích làm thức ăn. Tuy nhiên, trong thời gian cất giấu ở nhà T tại khu vực bếp thì mọi người mới nảy sinh ý định bán để lấy tiền nhằm trả tiền lương thực, thực phẩm đã sử dụng trong suốt quá trình đi rừng. Chính vì vậy đã dẫn đến hành vi phạm tội của anh H.V.Y.

Ngày 12/01/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện A Lưới ra Quyết định khởi tố bị can đối với H.V.Y về tội *"Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm" theo khoản 2 Điều 244 Bộ luật hình sự 2015.*

H.V.Y là người đồng bào dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, bản thân gia đình là người thuộc hộ cận nghèo, thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý, nên tôi được Giám đốc Trung tâm Trợ giúp pháp lý cử tham gia tố tụng để bảo chữa nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho H.V.Y ngay từ giai đoạn điều tra. Sau khi tiếp nhận vụ án, tôi đã sắp xếp thời gian, chủ động liên hệ với anh Y để gặp gỡ và trao đổi một số nội dung về vụ việc cũng như tìm hiểu điều kiện hoàn cảnh gia đình nơi anh đang sinh sống. Và rồi cuộc hẹn ngày hôm đó cũng đã đến, tôi đến gặp anh tại thôn Ta lo A Hố, xã Hồng Vân, huyện A Lưới. Sau khi giới thiệu bản thân cũng như hoạt động của Trung tâm trợ giúp pháp lý, tôi lắng nghe anh trình bày lại nội dung vụ việc đã xảy ra và giải thích các quyền và nghĩa vụ, hành vi phạm tội của anh đã được cơ quan điều tra khởi tố theo quy định của pháp luật. Trong khi đang trò chuyện với anh, nhìn ánh mắt của anh khiến tôi lại thấy chạnh lòng. Ánh mắt của niềm chất chứa muộn phiền, ánh mắt của sự lo lắng và ánh mắt của hy vọng. Hy vọng cuộc sống gia đình sẽ tốt đẹp hơn, hy vọng mọi chuyện muộn phiền sẽ qua đi và hy vọng một mức án sẽ đến với mình nhẹ nhất để có thể làm lại cuộc đời và không mắc phải những lỗi lầm đã qua.

(xem tiếp trang 30)

PHIÊN TÒA GIẢ ĐỊNH – GÓP PHẦN ĐƯA PHÁP LUẬT ĐẾN VỚI ĐỜI SỐNG

■ DIỆU LÀNH

Phổ biến, giáo dục pháp luật là hoạt động có định hướng, có tổ chức, có chủ định nhằm đạt mục đích hình thành ở đối tượng được tác động tri thức pháp lý, tình cảm và hành vi phù hợp với đòi hỏi của hệ thống pháp luật hiện hành, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, quản lý xã hội và nâng cao trình độ văn hoá pháp lý của công dân. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật muốn đạt được hiệu quả không chỉ đòi hỏi ở nội dung mà còn phụ thuộc nhiều vào hình thức thực hiện. Hình thức tuyên truyền càng phong phú, hấp dẫn, phù hợp với từng loại đối tượng, càng góp phần tác động mạnh mẽ tới nhận thức pháp luật, ý thức tôn trọng, ứng xử và chấp hành pháp luật của đối tượng được hướng đến.

Một trong những mô hình tuyên truyền, phổ biến pháp luật được đánh giá cao hiện nay đó là mô hình "Phiên tòa giả định". Phiên tòa giả định là hình thức phổ biến mang tính trực quan, sinh động giúp Nhân dân, đặc biệt là các em học sinh – sinh viên tiếp thu nội dung pháp luật một cách tự nhiên, dễ hiểu, dễ nhớ. Đồng thời giúp những người trực tiếp thực hiện **có** cơ hội **được** nghiên cứu những vụ việc thực tế, rèn luyện một số kỹ năng về: nghề nghiệp, giao tiếp, làm việc nhóm…. "Phiên tòa giả định" thường được tổ chức theo đúng quy định của một phiên tòa thật sự, với trình tự các bước: thủ tục bắt đầu phiên tòa, tranh tụng tại phiên tòa, nghị án, tuyên án và bao gồm các thành phần gồm: Chủ tọa phiên tòa, Thư ký, Kiểm sát viên, Hội thẩm nhân dân, bị cáo, người bị hại, nhân chứng, cán bộ công an bảo vệ phiên tòa… Nội dung của phiên tòa giả định được tham khảo, lựa chọn từ những vụ án có thật, phù hợp với đối tượng cần tuyên truyền, nhằm tái hiện một phiên toà mang diễn biến sát với thực tế nhất.

Tại Thừa Thiên Huế, mô hình này đã được thực hiện từ khá sớm, bắt đầu từ những "Phiên tòa giả định" khá đơn giản về nội dung, cách thức trình bày chủ yếu để phục vụ cho sinh viên đang theo học ngành Luật thực hành nghề nghiệp. Đến nay, nhìn nhận được hiệu quả và tác động của mô hình này đem lại, một số đơn vị như Đại học Huế, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh cơ quan Công an, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân…dần dần có sự phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội như: Hội Luật gia, Đoàn Luật sư, Hội Bảo vệ quyền trẻ em… để xây dựng những "Phiên tòa giả định" có sự đầu tư chỉnh chu, bài bản hơn về cả nội dung lẫn hình thức, đồng thời mở rộng phạm vi tổ chức đến các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung cấp nghề, cao đẳng, đại học trên địa bàn tỉnh. Với đối tượng hướng đến là tầng lớp thanh thiếu niên, nội dung mà "Phiên tòa giả định" đem đến thường là các lĩnh vực về phòng, chống xâm hại tình dục trẻ em; phòng, chống tệ nạn xã hội; các quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ;

(Ảnh sưu tầm)

pháp luật về hôn nhân gia đình, lao động…Dựa trên cơ sở các vụ việc, vụ án có thật, tại "Phiên tòa giả định", các tình tiết được "diễn viên" sử dụng ngôn từ truyền cảm để thể hiện một cách gần gũi nhất, trong đó nhấn mạnh những hậu quả của các hành vi vi phạm pháp luật đã ảnh hưởng tới bản thân, gia đình, xã hội nghiêm trọng như thế nào, từ đó khéo léo lồng ghép yếu tố tuyên truyền, giáo dục pháp luật. Nhờ cách truyền tải chân thật, các "Phiên tòa giả định" đã gây được ấn tượng, thu hút được sự theo dõi của các em học sinh - sinh viên. Tham gia chương trình, các em học sinh - sinh viên còn có thể đặt các câu hỏi để hiểu rõ hơn những quy định của pháp luật liên quan đến vụ việc.

Nhìn chung, mô hình "Phiên tòa giả định" đã giúp người theo dõi, các em học sinh - sinh viên trang bị thêm nhiều kiến thức pháp luật và chính sách hiện nay. Thông qua "Phiên tòa giả định", thanh thiếu niên được nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, nhận thức và hành động theo quy định pháp luật, góp phần hiệu quả trong việc đưa pháp luật vào đời sống./.

D.L

ÁNH MẮT CỦA HY VỌNG

(tiếp theo trang 28)

Sau nhiều thời gian gặp gỡ và làm việc với các cơ quan tiến hành tố tụng, phiên tòa sơ thẩm cũng đã diễn ra, bị cáo H.V.Y bị Viện Kiểm sát nhân dân huyện A Lưới truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện A Lưới để xét xử về tội *"Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm"* theo quy định tại Bộ luật hình sự 2015 và có khung hình phạt là 5 năm đến 10 năm tù.

Tại phiên tòa sơ thẩm, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo, tôi đã trình bày quan điểm bào chữa của mình đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng xử phạt bị cáo H.V.Y 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, nhằm răn đe, giáo dục không cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, để tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội được hòa nhập cộng đồng, sữa chữa sai lầm và phấn đấu trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

Quan điểm trong phần tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, tôi đã phân tích hoàn cảnh, nhân thân, nguyên nhân, tính chất, mục đích thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo. Trong vụ án này, hành vi của bị cáo Y mang tính chất đồng phạm giản đơn. Bị cáo sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, trình độ học vấn thấp nên nhận thức về mặt pháp luật còn hạn chế và một phần cũng do không có việc làm ổn định, gia đình bị cáo là hộ cận nghèo của địa phương, công việc chính chủ yếu là phụ thuộc vào rừng núi, cùng với đó là sự quản lý rừng còn chưa chặt chẽ của Chủ rừng theo chức năng cũng như nhiệm vụ được phân công, nên đã tạo điều kiện dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo.

Mặt khác, sau khi thực hiện tội phạm bị phát hiện, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai trái, nên đã ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo giúp cơ quan chức năng sớm làm rõ sự thật khách quan của vụ án.

Về nhận thức: bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống tại một xã nghèo Hồng Vân của huyện A Lưới, đời sống vật chất và tinh thần của người dân còn nhiều khó khăn và lạc hậu, sự hiểu biết về hành vi đã gây ra còn hạn chế. Về thân nhân bị cáo ở địa phương, gia đình luôn chấp hành chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, bố mẹ của bị cáo được nhà nước thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất, gia đình bị cáo chưa có ai vi phạm pháp luật, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nên cần được Hội đồng xét xử xem xét.

Trong thời gian chờ đợi Hội đồng xét xử vào nghị án, tôi đã đến động viên và an ủi anh. Anh Y bày tỏ và biết sự việc của mình là sai trái, mong muốn mình không phải ngồi tù để còn đi làm kiếm tiền lo cho gia đình. Tại phần tuyên án cũng đã đến, Hội đồng xét xử đã tuyên bị cáo Y (24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo).

Phiên tòa kết thúc, tôi tiến lại gần và chúc mừng cho anh. Ánh mắt bây giờ của anh không giống như ngày đầu gặp gỡ, ánh mắt của sự cảm ơn, của sự lạc quan và một niềm tin yêu đầy hy vọng, hy vọng được về nhà với gia đình, hy vọng một cuộc sống tốt đẹp hơn./.

H.N.L

Câu chuyện pháp luật:

HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG GẶP KHÓ KHĂN DO ĐẠI DỊCH COVID-19

■ NGỌC HIỀN

Thời gian qua, tình hình dịch bệnh Covid -19 diễn biến phức tạp, Công ty nơi anh Tuấn đang làm việc đã phát hiện nhiều trường hợp nhiễm bệnh, buộc phải tạm dừng hoạt động trong một khoảng thời gian khá dài theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19, do đó rất nhiều nhân công bị cho nghỉ việc không hưởng lương, trong đó có vợ chồng anh Tuấn. Vì vậy nên vợ chồng anh đã gặp rất nhiều khó khăn về kinh tế.

Thực phẩm hỗ trợ người dân tại khu phong tỏa phường Vỹ Dạ, thành phố Huế

Mấy hôm trước, trong lúc đang xem thời sự, anh được biết đến chính sách của Nhà nước hỗ trợ đối với người lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, tuy nhiên, anh vẫn chưa hiểu rõ lắm về điều kiện cũng như mức hỗ trợ mà người lao động được hưởng. Đang băn khoăn chưa biết nên hỏi ai thì anh nhớ ra Vinh - một người làm làm trong ngành tư pháp. Anh Tuấn nhanh tay bấm số điện thoại, gọi cho anh Vinh. Sau khi hỏi thăm tình hình sức khỏe, công việc, gia đình của anh Vinh. Sau khi trình bày trường hợp của hai vợ chồng, anh Tuấn hỏi anh Vinh về chính sách hỗ trợ của Nhà nước:

- Vinh có thể hướng dẫn cho mình biết chính sách của Nhà nước mới nhất và phù hợp nhất hiện nay được không? Mình muốn biết trường hợp của vợ chồng mình bị nghỉ việc không lương thì có được hỗ trợ không?

Anh Vinh đáp: sẵn sàng thôi. Để mình hướng dẫn những nội dung Tuấn thắc mắc nhé: vừa qua, ngày 06 tháng 11 năm 2021, Thủ tướng Chính phủ *đã* ban hành Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg *ngày 07 tháng 7 năm 2021 quy định về việc thực hiện một số chí*nh sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19. Theo đó, vợ chồng Tuấn thuộc trường hợp người lao động làm việc theo hợp đồng lao động nghỉ việc không hưởng lương do người sử dụng lao động bị tạm dừng hoạt động toàn bộ theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19. Vợ chồng Tuấn sẽ được hưởng hỗ trợ nếu nghỉ việc không hưởng lương trong khoảng thời gian từ từ 15 ngày liên tục trở lên, tính từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12

năm 2021 và thời điểm bắt đầu nghỉ việc không hưởng lương từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021. Đồng thời cả hai vợ chồng đều đang phải tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc (có tên trong danh sách tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc của cơ quan bảo hiểm xã hội) tại tháng nghỉ việc không hưởng lương hoặc tại tháng liền kề trước thời điểm nghỉ việc không hưởng lương [1].

Anh Tuấn hỏi tiếp:

- Vậy mức hỗ trợ mà hai vợ chồng mình được hưởng là bao nhiêu vậy Vinh nhỉ?

- Như Tuấn trình bày thì hai vợ chồng nghỉ việc không hưởng lương đã hơn 1 tháng, mức hỗ trợ sẽ là 3.710.000 đồng/người[2] và được chi trả một lần nhé - anh Vinh trả lời.

Sau khi được anh Vinh hướng dẫn, anh Tuấn cảm thấy rất may mắn vì hai vợ chồng anh đều đủ điều kiện để hưởng chính sách hỗ trợ.

Anh Tuấn: Cảm ơn Vinh nhiều nhé. May mà có Vinh, mình mới hiểu rõ các chính sách hỗ trợ như vậy. Để cảm ơn, khi nào tình hình ổn định tớ mời cậu ăn cơm nhé!

Anh Vinh: ôi, có gì đâu, chỉ là hỗ trợ về pháp luật thôi mà.

Anh Tuấn: như thế này là đã hỗ trợ nhiều lắm rồi cậu ạ. Khi nào gặp nói chuyện nhiều hơn nhé! Chào Vinh./.

---

1. *Khoản 4 Điều 1 Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg ngày 06 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ*

2. *Điều 14 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ*

MỘT SỐ HẠN CHẾ...

(tiếp theo trang 21)

Quy định rõ trách nhiệm của cơ quan chủ trì soạn thảo trong việc tổ chức lấy ý kiến của các đối tượng liên quan và giá trị pháp lý của thủ tục này đối với việc ban hành văn bản QPPL. Hoàn thiện và hướng dẫn chi tiết các quy định của pháp luật về thẩm định dự thảo văn bản QPPL nói chung và của chính quyền địa phương nói riêng về nội dung thẩm định; hồ sơ và thời gian thẩm định; giá trị pháp lý của báo cáo thẩm định và các điều kiện đảm bảo cho công tác thẩm định dự thảo văn bản QPPL.

Thường xuyên quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ, công chức tham gia công tác soạn thảo ban hành văn bản QPPL. Đồng thời, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính từ ngân sách nhà nước, xã hội hóa và các nguồn tài chính khác nhằm thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng ban hành văn bản QPPL ở địa phương.

Công tác xây dựng ban hành văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh ngày càng được quan tâm chỉ đạo thực hiện. Hệ thống văn bản QPPL dần được nâng cao về chất lượng về hiệu lực so với thời gian trước đây và đã có tác động tích cực đối với đời sống xã hội. Để tăng cường hiệu quả, hiệu lực của quản lý hành chính nhà nước thì cần tiến hành đồng bộ nhiều hoạt động khác nhau, trong đó việc thường xuyên quan tâm rà soát và từng bước hoàn thiện hệ thống văn bản nói chung và văn bản QPPL nói riêng, góp phần đẩy mạnh cải cách thể chế, thúc đẩy công cuộc cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh, thực hiện thắng lợi Nghị quyết đại hội Đảng bộ các cấp đã đề ra./.

T.P